|  |
| --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TAM NÔNG  **TRƯỜNG MẦM NON PHÚ THÀNH A**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  ĐỒNG THÁP – 2019 |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TAM NÔNG  **TRƯỜNG MẦM NON PHÚ THÀNH A**  **­­­­\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  **DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**  **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, Chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** | | 1 | Nguyễn Như Hằng | HT | Chủ tịch hội đồng |  | | 2 | Lưu Thị Ngọc Giếng | P.HT | Phó Chủ tịch hội đồng |  | | 3 | Nguyễn Thị Thu Thảo | GV-TTCM Lá  -Nhà bếp | Thư ký hội đồng |  | | 4 | Phạm Thị Thu | P.HT | Uỷ viên hội đồng |  | | 5 | Nguyễn Thị Thu Thủy | GV-Chủ tịch  công đoàn | Uỷ viên hội đồng |  | | 6 | Huỳnh Thị Ánh Nguyệt | GV-TTCM NT, M, C - Phó BTCB | Uỷ viên hội đồng |  | | 7 | Nguyễn Văn Vũ Linh | KT-TT Tổ Văn phòng | Uỷ viên hội đồng |  | | 8 | Ngô Thị Thu Trang | GV-Bí thư Chi đoàn | Uỷ viên hội đồng |  | | 9 | Trần Thị Bé Thuận | Giáo viên | Uỷ viên hội đồng |  |   ĐỒNG THÁP – 2019 | | |

**MỤC LỤC**

| **NỘI DUNG** | **TRANG** |
| --- | --- |
| Mục lục | 1-2 |
| Danh mục các chữ viết tắt | 3 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 4-5 |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | 6-10 |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 11 |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 11-12 |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2, MỨC 3** | 12 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 12 |
| **Tiêu chí 1:** Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 12-13 |
| **Tiêu chí 2:** Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 14-15 |
| **Tiêu chí 3:** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 15-16 |
| **Tiêu chí 4:** Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 16-17 |
| **Tiêu chí 5:** Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 18-19 |
| **Tiêu chí 6:** Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 19-21 |
| **Tiêu chí 7:** Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 21-22 |
| **Tiêu chí 8:** Quản lý các hoạt động giáo dục | 22-23 |
| **Tiêu chí 9:** Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 23-24 |
| **Tiêu chí 10:** Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 24-26 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên** | **27** |
| **Tiêu chí 1:** Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 27-28 |
| **Tiêu chí 2:** Đối với giáo viên | 28-30 |
| **Tiêu chí 3:** Đối với nhân viên | 30-32 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 32 |
| **Tiêu chí 1:** Diện tích, khuôn viên và sân vườn | 32-34 |
| **Tiêu chí 2:** Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phục vụ học tập | 34-36 |
| **Tiêu chí 3:** Khối hành chính - quản trị | 36-37 |
| **Tiêu chí 4:** Khối phòng tổ chức ăn | 37-39 |
| **Tiêu chí 5:** Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi | 39-41 |
| **Tiêu chí 6:** Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 41-43 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | **43** |
| **Tiêu chí 1:** Ban đại diện cha mẹ trẻ | 43-45 |
| **Tiêu chí 2:** Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 45-47 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** | **47** |
| **Tiêu chí 1:** Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non | 47-50 |
| **Tiêu chí 2:** Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | 50-52 |
| **Tiêu chí 3:** Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe | 52-54 |
| **Tiêu chí 4:** Kết quả giáo dục | 54-56 |
| **C. KẾT LUẬN CHUNG** | 56-57 |
| **Phần III. PHỤ LỤC** | 58-65 |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **CHỮ VIẾT TẮT** | **DIỄN GIẢI** |
| 01 | BGH | Ban Giám hiệu |
| 02 | CBVC | Cán bộ viên chức |
| 03 | CB-GV-NV | Cán bộ, giáo viên, nhân viên |
| 04 | BDTX | Bồi dưỡng thường xuyên |
| 05 | PCGD | Phổ cập giáo dục |
| 06 | GD-ĐT | Giáo dục và đào tạo |
| 07 | CSTĐ | Chiến sĩ thi đua |
| 08 | UBND | Ủy ban nhân dân |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 2 |  |  | x | - |
| Tiêu chí 3 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 4 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 5 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 6 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 7 |  | x |  | - |
| Tiêu chí 8 |  | x |  | - |
| Tiêu chí 9 |  | x |  | - |
| Tiêu chí 10 |  | x |  | - |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 2 | x |  |  |  |
| Tiêu chí 3 |  | x |  |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1 | x |  |  |  |
| Tiêu chí 2 | x |  |  |  |
| Tiêu chí 3 | x |  |  |  |
| Tiêu chí 4 | x |  |  |  |
| Tiêu chí 5 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 6 |  | x |  | - |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 2 |  |  |  | x |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 2 |  |  |  | x |
| Tiêu chí 3 |  |  | x |  |
| Tiêu chí 4 |  |  |  | x |

**2. Kết luận:** **Không đạt Mức 1**

**Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non Phú Thành A

Tên trước đây (nếu có): Trường Mẫu giáo Phú Thành A

Cơ quan chủ quản: Phòng GDĐT Tam Nông

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh | Đồng Tháp |  | Họ và tên hiệu trưởng | Nguyễn Như Hằng |
| Huyện | Tam Nông |  | Điện thoại | Tam Nông |
| Xã | Phú Thành A |  | Fax |  |
| Năm thành lập trường | 1987 |  | Website |  |
| Công lập | x |  | Số điểm trường | 5 |
| Tư thục |  |  | Loại hình khác |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học**  **2014-2015** | **Năm học**  **2015-2016** | **Năm học**  **2016-2017** | **Năm học**  **2017-2018** | **Năm học**  **2018-2019** |
| Khối Nhà trẻ | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| Khối lớp Mầm | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| Khối lớp Chồi | 03 | 03 | 04 | 04 | 04 |
| Khối lớp Lá | 07 | 06 | 06 | 06 | 06 |
| **Cộng** | 12 | 11 | 12 | 12 | 12 |

**2. Số phòng học và các phòng chức năng khác**

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học**  **2014-2015** | **Năm học**  **2015-2016** | **Năm học**  **2016-2017** | **Năm học**  **2017-2018** | **Năm học**  **2018-2019** | **Ghi**  **chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Phòng học kiên cố | 5 | 5 | 7 | 7 | 7 |  |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng học tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4 | Các phòng chức năng khác | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
|  | **Cộng** | 12 | 12 | 14 | 14 | 14 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **SL**  **Nữ** | **SL người**  **dân tộc**  **thiểu số** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| **Chưa đạt chuẩn** | **Đạt chuẩn** | **Trên chuẩn** |  |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 01 |  |  | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 02 |  |  |  | 02 |  |
| Giáo viên | 20 | 20 |  | 02 | 01 | 17 |  |
| Nhân viên | 6 | 4 |  | 04 | 1 | 1 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học**  **2014-2015** | **Năm học**  **2015-2016** | **Năm học**  **2016-2017** | **Năm học**  **2017-2018** | **Năm học**  **2018-2019** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số giáo viên | 19 | 17 | 20 | 17 | 20 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 1,58 | 1,55 | 1,67 | 1,42 | 1,67 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh (1GV/?HS) | 1/21,8 | 1/22,9 | 1/19,7 | 1/24,1 | 1/19,9 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương (nếu có) |  | 03 |  | 04 |  |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học**  **2014-2015** | **Năm học**  **2015-2016** | **Năm học**  **2016-2017** | **Năm học**  **2017-2018** | **Năm học**  **2018-2019** | **Ghi**  **chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số học sinh | 415 | 390 | 394 | 410 | 398 |  |
| *- Nữ* | 208 | 193 | 195 | 190 | 189 |  |
| *- Dân tộc* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| *- Khối lớp Nhà trẻ* | 57 | 41 | 27 | 32 | 28 |  |
| *- Khối lớp Mầm* | 41 | 57 | 45 | 50 | 45 |  |
| *- Khối lớp Chồi* | 100 | 108 | 122 | 123 | 125 |  |
| *- Khối lớp Lá* | 223 | 184 | 200 | 205 | 200 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 139 | 41 | 89 | 189 | 167 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 307 | 390 | 381 | 150 | 171 |  |
| 4 | Bán trú | 232 | 291 | 228 | 260 | 227 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân học sinh/lớp | 35 | 35 | 33 | 34 | 33 |  |
| 7 | Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi | 415 | 390 | 394 | 410 | 398 | Đi học đúng độ tuổi 100% |
| *- Nữ* | 208 | 193 | 195 | 190 | 189 |  |
| *- Dân tộc* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 38 | 38 | 49 | 33 | 33 |  |
| *- Nữ* | 19 | 25 | 25 | 24 | 18 |  |
| *- Dân tộc* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 11 | Tổng số học sinh có hoản cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

b) Kết quả giáo dục

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học**  **2014-2015** | **Năm học**  **2015-2016** | **Năm học**  **2016-2017** | **Năm học**  **2017-2018** | **Năm học**  **2018-2019** | **Ghi**  **chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Tỷ lệ học sinh xếp loại khá |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học |  |  |  |  |  | Đối với trường có lớp tiểu học |
| 8 | Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học |  |  |  |  |  |
| 9 | Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học |  |  |  |  |  |

**Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trường Mầm non Phú Thành A được thành lập từ năm tháng 9/1987 trên cơ sở của một tổ mẫu giáo trực thuộc trường Tiểu học Phú Thành A với 3 lớp/ 72 học sinh, tính đến nay được 28 năm, khi mới thành lập trường có tên là Trường Mầm non Phú Thành. Đến năm 1995 trường được đổi tên là Trường mẫu giáo Phú Thành A theo quyết định số 22/QĐ - TL ngày 03 tháng 03 năm 1995. Đến năm 2008 trường mẫu giáo Phú Thành A được đổi tên là Trường Mầm non Phú Thành A theo quyết định số 43/QĐ.UBND-NV ngày 19 tháng 02 năm 2008. Tháng 10/2008 trường được xây dựng mới. Sau 32 năm thành lập, Trường Mầm non Phú Thành A đã từng bước trưởng thành và phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Trường có 05 điểm trường, có 14 phòng gồm 7 phòng làm việc và 7 phòng học. Điểm chính có 12 phòng trong đó gồm 5 phòng học, 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01văn phòng, 01phòng y tế, 01 phòng hành chánh quản trị, 01phòng nghệ thuật, 01nhà bếp. Trường có hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn cho các cháu. Các phòng học có khá đủ đồ dùng, dụng cụ, đồ chơi phục vụ cho các cháu vui chơi và học tập. Nhà trường đã sử dụng, quản lý cơ sở vật chất theo đúng quy định. Toàn trường có tổng số lớp học: 12 nhóm, lớp với 398 học sinh, trường có 29 CB-GV-NV trong đó 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, 20 giáo viên, 01 kế toán, 01 Y tế học đường, 01 bảo vệ, 3 cấp dưỡng, có 24/29 CB-GV-NV trình độ chuyên môn đạt chuẩn, trên chuẩn, tuy nhiên còn 02 GV hợp đồng khác chuyên ngành, 02 nhân viên cấp dưỡng và 01 nhân viên bảo vệ chưa đạt chuẩn theo qui định. Công tác quản lý tài sản, tài chính được nhà trường thực hiện Luật kế toán Ngân sách do Chính phủ và Bộ Tài.chính Ngoài ra, nhà trường luôn chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương và phối hợp với các ngành đoàn thể liên quan trong công tác huy động trẻ đến trường, trong các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục trong các hoạt động của đơn vị. Trường luôn là địa chỉ tin cậy về chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, đội ngũ CB-GV-NV không ngừng phấn đấu vươn lên, đã đạt nhiều thành tích trong phong trào thi đua dạy tốt - học tốt và đạt thành tích cụ thể như sau: Trường mầm non Phú Thành A đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên” vào các năm học: 2014- 2015, 2017-2018, đạt “ Tập thể Lao động xuất sắc” năm học 2014- 2015. Đạt danh hiệu duy trì trường “ Xanh-Sạch-Đẹp” vào năm học 2018-2019. Cá nhân đạt 01 CSTĐ cấp tỉnh, 02 bằng khen UBND tỉnh, 10 CSTĐ cơ sở các năm học 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018. Với mục đích giúp cho nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng. Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã xác định được mặt mạnh, mặt yếu từ đó xây dựng cho đơn vị kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trang chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Vì thế công tác kiểm định chất lượng giáo dục được nhà trường đặc biệt chú trọng và quyết tâm thực hiện tự đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục nhằm tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu so với các tiêu chuẩn qui định. Từ đó giúp nhà trường chú động xây dựng kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị, với vai trò trò quan trọng của việc kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục gồm 9 thành viên với đầy đủ thành phần: Ban giám hiệu, các đoàn thể, tổ chuyên môn, các thành viên trong nhà trường đã chủ động tích cực tham gia kiểm định đánh giá một cách trung thực.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

**Mở đầu**:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường luôn thực hiện đầy đủ; Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác phối hợp tốt để thực nhiệm vụ; Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường phối hợp và hỗ trợ nhau; Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng thường xuyên liên hệ, trao đổi về vấn đề chuyên môn; Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo: Nhà trường có 12/12 nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi theo quy định và được tổ chức học 2 buổi/ ngày; Quản lý hành chính, tài chính và tài sản thì Nhà trường thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ theo văn bản số 04/VBHN-BGDĐT Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2015 Quyết định ban hành Điều lệ trường Mầm non: Hồ sơ quản lí trẻ em; hồ sơ quản lý chuyên môn; hồ sơ quản lý bán trú; hồ sơ quản lí nhân sự; sổ lưu trữ các văn bản, công văn; hồ sơ quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài chính; Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên Nhà trường có xây dựng đầy đủ các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Quản lý các hoạt động giáo dục trường lên đầy đủ các loại kế hoạch; Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường trong hội nghị cán bộ công chức và sau học kỳ I có họp lấy ý kiến điều chỉnh kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế đó; Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học Nhà trường có hộp thư góp ý đặt ngay bản tin của đơn vị, Có niên yết số điện thoại đường dây nóng của phòng giáo dục ngay ở thông bản tin.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có xây dựng kế hoạchphù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục số 07/2015/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015, có kế hoạch phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như: Kế hoạch số 10/KH-MNPTA ngày 16/02/2017 về việc thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục theo giai đoạn 2016-2020, Kế hoạch số 111/KH-MNPTA ngày 07/9/2018 về việc thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục năm học 2018-2019, kế hoạch số 87/KH.MNPTA ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Trường Mầm non Phú Thành A về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2018-2019 **[H1-1-01-01]**.

Các kế hoạch được ủy ban nhân dân xã, PGD phê duyệt.

Kế hoạch rà soát điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của xã, trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bản tin nội bộ của nhà trường **[H1-1-01-02]**.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

**2. Điểm mạnh**

Tổ chức xây dựng kế hoạch, phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

**3. Điểm yếu**

Một số thành viên ít tham gia đóng góp cho phương hướng hoạt động nhằm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Cha mẹ trẻ tham gia chưa đầy đủ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng gợi ý thảo luận, phân công cụ thể thành viên tham gia phát biểu, Tuyên truyền Phụ huynh tham gia họp định kỳ và cho ý kiến trong hoạt động nhà trường đầy đủ hơn trong mỗi học kỳ.

**5. Tự đánh giá:Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hội đồng trường Mầm non Phú Thành A và các hội đồng khác được thành lập theo quy định tại điều 18 điều lệ trường Mầm non ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015, hội đồng trường do trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo ra quyết định số 332/QĐ-PGDĐT ngày 25/9/2018 thành lập gồm 07 thành viên hiệu trưởng là chủ tịch hội đồng **[H1-1-02-01]**.

Hội đồng trườngthực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Nhà trường có các hội đồng khác: hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng tư vấn, hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi được thành lập theo quyết định của hiệu trưởng **[H1-1-02-02].**

Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá như kế hoạch hoạt động của hội đồng trường, sổ nghị quyết của hội đồng trường, báo cáo sơ kết tổng kết hoạt động hội đồng trường. Hội đồng trường hoạt động theo định kỳ ít nhất 2 lần/ năm học. Trong trường hợp cần thiết chủ tịch hội đồng trường triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trýờng **[H1-1-02-03], [H1-1-02-04] .**

Mức 2:

Hội đồng trường hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng của nhà trường có kế hoạch hoạt động của hội đồng trường, sổ nghị quyết của hội đồng trường, báo cáo sơ kết tổng kết hoạt động hội đồng trường.

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường Mầm non Phú Thành A được thành lập theo quy định tại điều 18 điều lệ trường Mầm non ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015, hội đồng trường do trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo ra quyết định số 332/QĐ-PGDĐT ngày ngày 25/9/2018 thành lập gồm 07 thành viên.

**3. Điểm yếu**

Còn một số thành viên ít tham ga đóng góp cho phương hướng hoạt động, chỉ tiêu đề ra trong năm học của hội đồng trường do mới bổ nhiệm làm tổ trưởng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Khi tổ chức cuộc họp chủ tọa gợi ý, tư vấn nội dung cần thảo luận và khuyến khích các thành viên trong hội đồng tích cực tham gia đóng góp ý kiến để cùng thống nhất trong thực hiện kế hoạch của hội đồng đạt hiệu quả.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội khuyến học. **[H1-1-03-01].**

Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo qui định và họp định kỳ hàng tháng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. Các hoạt động phong trào của chi đoàn, công đoàn được phát động và đưa ra các nhiệm vụ cụ thể. **[H1-1-03-02]**

Hằng năm các hoạt động theo kế hoạch được kiểm tra, đánh giá trong báo cáo sơ, tổng kết của nhà trường. **[H1-1-03-03]**

Mức 2:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ 1 năm hoàn thành nhiệm vụ trở lên **[H1-1-03-04], [H1-1-03-05]**

Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ 1 năm hoàn thành nhiệm vụ.

Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

**2. Điểm mạnh**

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có đóng góp cho các hoạt động của nhà trường giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, trong 5 năm liền có 04 năm liền hoàn thành tốt nhiệm vụ và 01 năm hoàn thành nhiệm vụ.

**3. Điểm yếu**

Do đặc thù chuyên ngành về chăm sóc giáo dục trẻ nên chưa dành nhiều thời gian cho việc nghiên cứu văn bản, nghị quyết...

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Bí thư chi bộ khuyến khích các thành viên mạnh dạn đóng góp ý kiến để hoàn thiện kế hoạch năm. Tuyên truyền cho tất cả Đảng viên thường xuyên nghiên cứu văn bảng đã triển khai nhằm nắm chủ trương chung để cùng thực hiện hiệu quả.

**5. Tự đánh giá:****Đạt Mức 2**

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Mầm non Phú Thành A thuộc trường mầm non hạng I, có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đảm bảo đủ số lượng theo quy định.**[H1-1-04-01].**

Trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, tổ chuyên môn (Khối Nhà trẻ + Mầm + Chồi gồm 08 giáo viên (Không tính giáo viên hợp đồng). Tổ chuyên môn khối lá + nhà bếp gồm 08 giáo viên và 03 nhân viên nấu ăn (Không tính giáo viên hợp đồng). Tổ chuyên môn tổ văn phòng gồm 01 kế toán, 01 y tế, 01 bảo vệ, có 01 tổ trưởng tổ văn phòng được thành lập theo quyết định của hiệu trưởng [**H1-1-03-02].**

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng dựa trên kế hoạch chung của trường có xây dựng kế hoạch cụ thể cho công tác theo tuần, tháng, học kỳ và kế hoạch hoạt động cho cả năm học theo chức năng nhiệm vụ của tổ, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 1 lần/tháng [**H1-1-03-03].**

Mức 2:

Trong năm 02 tổ chuyên môn đề xuất và tạo điều kiện cho tất cả giáo viên tham dự chuyên đề, sinh hoạt cụm, dự giờ thao giảng theo quy định. Bồi dưỡng các cháu có năng khiếu tham dự các hội thi.

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh hàng tháng.

Mức 3:

Trong năm 02 tổ chuyên môn đề xuất và tạo điều kiện cho tất cả giáo viên tham dự chuyên đề, sinh hoạt cụm, dự giờ thao giảng theo quy định. Bồi dưỡng các cháu có năng khiếu tham dự các hội thi.

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ mỗi tháng rà soát, đánh giá, điều chỉnh nhiệm vụ hoạt động chuyên môn của tháng để khắc phục cho tháng tới.

**2. Điểm mạnh**

Trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, tổ chuyên môn (Khối Nhà trẻ + Mầm + Chồi gồm 08 giáo viên (Không tính giáo viên hợp đồng). Tổ chuyên môn khối lá + nhà bếp gồm 08 giáo viên và 03 nhân viên nấu ăn (Không tính giáo viên hợp đồng). Cơ cấu tổ chức bộ máy đủ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Có Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định. Bộ máy hoạt động đều tay, phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tại trường

**3. Điểm yếu**

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có hợp lệ trong quá trình sinh hoạt các thành viên tổ chuyên môn và tổ văn phòng còn ít đóng góp xây dựng phương hướng hoạt động của tổ do tổ viên còn ngại đóng góp, tổ trưởng mới được bổ nhiệm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng khi đến dự họp cùng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng ban giám hiệu tư vấn các tổ trưởng mạnh dạn góp ý để khuyến khích các thành viên trong tổ tích cực tham gia đóng góp ý kiến để cùng thống nhất trong thực hiện kế hoạch của tổ đạt kết quả. Thời gian thực hiện: đến tháng 09/2019

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 1

**Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo**

Mức 1:

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

Mức 3:

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Năm học 2018-2019 nhà trường huy động tổng số 12 nhóm, lớp. Gồm 1 nhóm 25-36 tháng; 1 lớp 3-4 tuổi; có 4 lớp 4-5 tuổi; có 6 lớp 5-6 tuổi. Có 1 lớp ghép 3-4 tuổi **[H1-1-05-01].**

Trường có 12/12 nhóm lớp được tổ chức học 2 buổi/ ngày. Trong đó có 6 nhóm lớp được tổ chức ăn bán trú, 5 nhóm lớp ăn trưa tại lớp, 1 lớp Lá 6 (điểm phụ) chưa tổ chức cho trẻ ăn bán trú. Nguyên nhân do lớp ở điểm phụ ấp Long Thành nhà phụ huynh ở gần trường và phụ huynh không có lao động nên không cho trẻ ăn trưa tại lớp**.**

Nhà trường không có trẻ khuyết tật.

Mức 2:

- Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được phân chia theo độ đuổi:

+ Nhóm trẻ 25 – 36 tháng: 28 trẻ

+ Lớp mầm: 40 trẻ

+ Chồi 1: 46 trẻ

+ Chồi 2: 30 trẻ

+ Chồi 3: 34 trẻ

+ Chồi 4: 20 trẻ

+ Lá 1: 37 trẻ

+ Lá 2: 38 trẻ

+ Lá 3: 38 trẻ

+ Lá 4: 39 trẻ

+ Lá 5: 30 trẻ

+ Lá 6: 18 trẻ

Mức 3:

Hiện tại nhà trường có 12 nhóm lớp nhà trẻ và mẫu giáo.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có 12/12 nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi theo quy định và được tổ chức học 2 buổi/ ngày. Trong đó có 6 lớp bán và 5 lớp tổ chức ăn trưa tại trường.

**3. Điểm yếu**

Còn 1 lớp 4-5 tuổi học lớp ghép ở điểm phụ Tân Dinh, 2 lớp (lớp 3-4 tuổi và lớp 4-5 tuổi) ở điểm chính vượt 15-16 trẻ so với quy định do phụ huynh có nhu cầu gởi bán trú và 1 lớp 5-6 tuổi ở điểm phụ Long Thành chưa tổ chức cho trẻ ăn trưa tại trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tích cực tham mưu với lãnh đạo phòng giáo dục và lãnh đạo địa phương xây cất thêm phòng học ở điểm chính để thu hút trẻ bán trú đến trường, đề nghị sớm chia tách lớp ghép và tách lớp đảm bảo chỉ tiêu theo quy định.

Vận động phụ huynh ở điểm phụ cho trẻ ăn trưa tại trường.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ theo văn bản số 04/VBHN-BGDĐT Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2015 Quyết định ban hành Điều lệ trường Mầm non: hồ sơ quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài chính. **[H1-1-06-01].**

Nhà trường thực hiện việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản thực hiện vào đầu năm học. Công khai việc giao ngân sách, các chứng từ thu chi của tháng, quý, năm, nội dung quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và tự kiểm tra tài chính, tài sản. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ có bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. **[H1-1-06-02].**

Nhà trường quản lý chặt chẽ nguồn tài chính, luôn công khai minh bạch rõ ràng trên bảng công khai hàng tháng, việc sử dụng ngân sách đảm bảo đúng mục đích chi xuất tiết kiệm tối đa nguồn tài chính của đơn vị. Sử dụng tối đa cơ sở vật chất hiện có để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. **[H1-1-06-03].**

Mức 2:

Nhà trường khai thác và sử dụng phần mềm MISA, EMIS trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

Thực hiện tốt quản lí hành chính và tài sản theo kết luận của thanh tra.

Mức 3:

Hàng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch tài vụ để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định: Dự toán thu chi; quyết toán đúng thời gian quy định; thực hiện thống kê theo hướng dẫn của Phòng tài vụ; báo cáo tài chính, tài sản kịp thời có công khai đúng quy định.

Nhà trường quản lý chặt chẽ nguồn tài chính, luôn công khai minh bạch rõ ràng trên bảng công khai hàng tháng, việc sử dụng ngân sách đảm bảo đúng mục đích chi xuất tiết kiệm tối đa nguồn tài chính của đơn vị. Sử dụng tối đa cơ sở vật chất hiện có để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

Nhà trường thực hiện đúng việc thu chi, quyết toán theo quy định và quản lý chặt chẽ nguồn tài chính, luôn công khai minh bạch rõ ràng trên bảng tin của trường, bảng những điều cán bộ-giáo viên-nhân viên cần biết công khai hàng tháng, việc sử dụng ngân sách đảm bảo đúng mục đích chi xuất tiết kiệm tối đa nguồn tài chính của đơn vị. Sử dụng tối đa cơ sở vật chất hiện có để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Một số chứng từ còn thiếu chữ ký và còn tẩy xóa.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Cần kiểm tra đầy đủ hồ sơ trước khi khép hồ sơ qua tháng mới.

**5. Tự đánh giá:Đạt mức 3**

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có xây dựng đầy đủ các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên **[H1-1-07-01].**

Nhà trường có xây dựng thông báo phân công cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý. **[H1-1-07-02].**

Nhà trường đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 37 trong Điều lệ trường mầm non như: đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật. **[H1-1-07-03].**

Mức 2:

Đầu năm học nhà trường có xây dựng kế hoạch hoạt động của trường và đề ra các chỉ tiêu phấn đấu trong năm với các biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường **[H1-1-07-04].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phân công và sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý.

Nhà trường thực hiện đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường mầm non cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

Nhà trường có thực hiện các biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên chưa có sự đầu tư, nghiên cứu tài liệu chuyên môn, còn rập khuôn, nhằm phát huy năng lực nâng cao chất lượng trong giảng dạy.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Thường xuyên kiểm tra nhắc nhở giáo viên trong công tác học tập nghiên cứu tài liệu chuyên môn, nâng cao chất lượng trong giảng dạy.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 1

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường phù hợp với quy định hiện hành. Phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, điều kiện của nhà trường và phù hợp với từng độ tuổi của trẻ **[H1-1-08-01].**

Nhà trường thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục.

Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục. **[H1-1-08-02].**

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được trường quản lý đánh giá đạt hiệu quả thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn **[H1-1-08-03].**

**2. Điểm mạnh**

Ban giám hiệu, tổ khối và giáo viên xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, điều kiện của nhà trường và phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.

**3. Điểm yếu**

Giáo viên nộp kế hoạch đôi khi còn chậm trễ so với thời gian quy định, chưa đầu tư sâu các loại kế hoạch.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Ban giám hiệu, tổ khối thường xuyên kiểm tra nhắc nhở giáo viên cần tham khảo nhiều tài liệu để xác định các kế hoạch đạt hiệu quả.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 1.

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường trong hội nghị cán bộ công chức và sau học kỳ I có họp lấy ý kiến điều chỉnh kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế đó **[H1-1-02-03].**

Trong năm qua trường không có xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường **[H1-1-09-01].**

Cuối năm, cuối học kỳ có báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ trong cơ sở **[H1-1-09-02].**

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch có hiệu quả nhưng chưa được thường xuyên.

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường và sau học kỳ I có họp lấy ý kiến điều chỉnh kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế đó. Trong năm qua trường không có xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường. Cuối năm, cuối học kỳ có báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ trong cơ sở.

**3. Điểm yếu**

Niêm yết chưa đầy đủ các văn bản quy định

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường phân công bộ phận văn thư niên yết tất cả văn bản quy định ngay từ đầu năm học tại các bản tin của trường

**5. Tự đánh giá:****Đạt Mức 1**

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Đầu năm học hiệu trưởng có xây dựng kế hoạch 84a/KH.MNPTA ngày 13 tháng 8 năm 2018 về an ninh trật tự; kế hoạch số 134/KH-MNPTA ngày 20tháng 9 năm 2018 vệ sinh an toàn thực phẩm; kế hoạch số 119/KH-MNPTA ngày 10 tháng 9 năm 2018 về an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; kế hoạch số 73/KH-MNPTA ngày 03 tháng 9 năm 2018 an toàn phòng, chống cháy, nổ; quyết định số 64/QĐ-MNPTA ngày 06 tháng 9 năm 2018 thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống thảm họa, thiên tai; kế hoạch số 133/KH-MNPTA ngày 20 tháng 9 năm 2018 phòng, chống dịch bệnh trong nhà trường **[H1-1-10-01].** Trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm **[H1-1-10-02]**.

Nhà trường có hộp thư góp ý đặt ngay bản tin của đơn vị, Có niên yết số điện thoại đường dây nóng của phòng giáo dục ngay ở thông bản tin **[H1-1-10-03].**

Tính đến thời điểm hiện tại không xảy ra tình trạng vi phạm các hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường **[H1-1-03-03].**

Mức 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thường xuyên được phổ biến thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong trong các cuộc họp hội đồng, cuối năm học có báo cáo lưu trữ hồ sơ. Tuy nhiên việc phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án này chưa được thực thi có hiệu quả trên trẻ.

Hiệu trưởng có xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, phân công thành viên thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn theo kế hoạch kiểm tra.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường. Tính đến thời điểm hiện tại không xảy ra tình trạng vi phạm các tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Việc phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực chưa được thực thi có hiệu quả trên trẻ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Việc phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực thì Hiệu trưởng cần phải chỉ đạo giáo viên và các bộ phận có liên quan thực thi có hiệu quả trên trẻ nhằm giúp trẻ rèn luyện một số kỹ năng sống cần thiết.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 1

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1**

**\* Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định. Bộ máy hoạt động đều tay, phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tại trường. Tổ chức lớp học và có số lượng trẻ trong một lớp theo quy định. Thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chấp hành tốt sự quản lý của chính quyền địa phương và của cơ quan quản lý giáo dục, thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ và quy chế dân chủ trong đơn vị. Thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chấp hành tốt sự quản lý của chính quyền địa phương và của cơ quan quản lý giáo dục, thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ và quy chế dân chủ trong đơn vị. Công tác quản lư chuyên môn, quản lư tài chính, tài sản theo đúng các văn bản quy định, công tác chăm sóc sức khoẻ, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho trẻ và CB-GV-NV được chú trọng, nhà trường tổ chức các hoạt động lễ hội văn nghệ vui chơi phù hợp với điều kiện của trẻ và cơ sở vật chất của nhà trường giúp cho trẻ cảm thụ các giá trị văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc địa phương.

**\* Điểm yếu**

Còn 1 lớp 4-5 tuổi học lớp ghép ở điểm phụ Tân Dinh, 2 lớp (lớp 3-4 tuổi và lớp 4-5 tuổi) ở điểm chính vượt 15-16 trẻ so với quy định do phụ huynh có nhu cầu gởi bán trú và 1 lớp 5-6 tuổi ở điểm phụ Long Thành chưa tổ chức cho trẻ ăn trưa tại trường.

***\* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10 tiêu chí***

***\* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00 tiêu chí***

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu:** Trường Mầm non Phú Thành A là trường hạng I, có số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Đội ngũ cán bộ giáo viên có sức khoẻ, có năng lực chuyên môn, nhiệt tình, trách nhiệm. 100% giáo viên có ý thức tự giác học hỏi, có ý chí vươn lên trong công tác. Tập thể Hội đồng sư phạm là một khối đoàn kết, thống nhất cao trong mọi hoạt động.

***Tiêu chí 1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

***Mức 1***

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

***Mức 2***

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

***Mức 3***

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1

Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục 14 năm có bằng đại học mầm non. Phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục có thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục 17 năm có bằng đại học mầm non. Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc, nuôi dưỡng có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non 32 năm có bằng đại học sư phạm mầm non và đã học qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lí giáo dục. **[H2-2-01-01].**

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng có tinh thần trách nhiệm cao, luôn gương mẫu đi đầu trong các phong trào, được sự tín nhiệm cao của tập thể. Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá về chuẩn hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng trong 05 năm qua đều được xếp loại khá trở lên. Cụ thể, trong năm học 2016-2017 Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng được đánh giá loại xuất sắc, 01 Phó hiệu trưởng được đánh giá loại khá; trong năm học 2017-2018 Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được đánh giá loại xuất sắc **[H2-2-01-02]**.

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định: Được BDTX hằng năm, được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ do Phòng GDĐT và các cấp tổ chức. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đã ứng dụng vào công tác quản lí, chỉ đạo chuyên môn. **[H2-2-01-03]**.

1.2. Mức 2

Hiệu trưởng đang học lớp trung cấp lý luận chính trị-hành chính, 01 phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng đạt trình độ trung cấp lý luận chính trị và 01 phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục đạt trình độ sơ cấp lý luận chính trị. Hằng năm Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định như tham gia học tập nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước **[H2-2-01-04]**. Trong cuộc họp xét thi đua khen thưởng cuối năm, giáo viên, nhân viên nhận xét về Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng của trường là đều thực hiện tốt công tác quản lý và tin tưởng vào sự lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, được sự tín nhiệm cao của giáo viên, nhân viên **[H1-1-03-03].**

1.3. Mức 3

Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo b Mức 1

**2. Điểm mạnh:**

Ban giám hiệu nhà trường có nhiều năm công tác trong ngành nên nắm vững chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao, tất cả đều có bằng đại học sư phạm mầm non, đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lí giáo dục và được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng hàng năm đều được học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Trong 05 năm qua Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá theo quy định chuẩn hiệu trưởng loại khá trở lên.

**3. Điểm yếu:**

Hiệu trưởng đang học trung cấp lý luận chính trị-hành chính và 01 phó hiệu trưởng chưa đạt trình độ trung cấp lý luận chính trị vì chưa có điều kiện đi học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Hiệu trưởng cố gắng học tập để đạt tốt nghiệp, hoàn thành nhiệm vụ khi đã được cử đi học trong năm 2019. Hiệu trưởng tham mưu tích cực với Đảng ủy và lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, tạo điều kiện cho 01 phó hiệu trưởng được tham gia học lớp trung cấp chính trị để nâng cao trình độ lý luận chính trị. Thực hiện trong năm học 2018-2019 và những năm tiếp theo.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

***Tiêu chí 2: Đối với giáo viên***

***Mức 1***

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

***Mức 2***

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

***Mức 3***

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1

Năm học 2018-2019 trường được giao biên chế là 20 giáo viên theo quyết định số 45/QĐ-PGDĐT.TCCB ngày 01/02/2018 của Phòng GD-ĐT. Trên cơ sở đó, hiện nay nhà trường đã có đủ số lượng 20 giáo viên được phân bổ đủ ở 12 nhóm lớp. Cụ thể: Có 02 giáo viên dạy Nhà trẻ, 03 GV dạy lớp 3-4 tuổi, 6 GV dạy 4 lớp 4-5 tuổi và 9 GV dạy 6 lớp 5-6 tuổi. Đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định **[H2-2-02-01],** [**H1-1-05-01]**.

Nhà trường có 18/20 giáo viên trình độ đạt chuẩn trở lên tỷ lệ 90%, trong đó trình độ đại học là 14/20 giáo viên đạt tỷ lệ 70%, trình độ cao đẳng là 3/20 giáo viên đạt tỷ lệ 15%, trình độ trung cấp là 1/20 giáo viên đạt tỷ lệ 5%, trình độ khác chuyên ngành là 2/20 giáo viên đạt tỷ lệ 10%[**H2-2-02-02],** [**H2-2-02-03]**.

Hằng năm nhà trường tiến hành đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, kết quả xếp loại như sau: Năm học 2017-2018 có 16/20 GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp, trong đó mức đạt trở lên là 16/20 GV đạt tỷ lệ 80%. Cụ thể: xuất sắc: 12/16 GV đạt tỷ lệ 75%, khá: 4/16 GV đạt tỷ lệ 25%. Có 4 GV hợp đồng tạm nên không được đánh giá chuẩn nghề nghiệp. [**H2-2-02-04],** [**H2-2-02-05]**

* 1. Mức 2

Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo b Mức 1

Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo c Mức 1

Từ năm học 2014-2015 đến nay nhà trường không có trường hợp giáo viên nào bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [**H2-2-02-06],** [**H1-1-03-03]**

1.1. Mức 3

Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo b Mức 1

Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo c Mức 1

**2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên phân chia theo biên chế lớp đảm bảo được việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Từ năm học 2014-2015 đến nay nhà trường không có trường hợp giáo viên nào bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**3. Điểm yếu:**

Trường còn 02 giáo viên hợp đồng có chuyên ngành khác, chưa đạt trình độ chuẩn theo quy định. Có 04 giáo viên do hợp đồng tạm nên không đánh giá được chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo tuyển dụng giáo viên, đưa về trường theo chỉ tiêu được giao. Nhà trường tiếp tục bồi dưỡng giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp vào năm học 2018-2019 và những năm học tiếp theo.

**5. Tự đánh giá: Không đạt**

***Tiêu chí 3: Đối với nhân viên***

***Mức 1***

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

***Mức 2***

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

***Mức 3***

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1

Nhà trường có nhân viên thực hiện các nhiệm vụ được phân công. Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/03/2015 Nhà trường có 06 nhân viên gồm: 01 kế toán kiêm nhiệm văn thư, 01 y tế trường học kiêm nhiệm thủ quỹ, 01 nhân viên bảo vệ và 03 nhân viên nấu ăn. Tuy nhiên nhà trường vẫn còn thiếu 01 nhân viên nấu ăn do số lượng trẻ ăn thực tế hằng ngày chưa đủ 200 trẻ **[H1-1-05-01]**.

Các nhân viên trong nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế cụ thể như sau: nhân viên kế toán-văn thư thực hiện thu chi và báo cáo tài chính, nhận và lưu trữ công văn; nhân viên y tế trường học- thủ quỹ theo dõi và chăm sóc sức khoẻ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ, quản lý các loại quỹ của nhà trường; nhân viên bảo vệ thực hiện các công việc trực cổng khi có khách liên hệ và chăm sóc cây xanh; Nhân viên nấu ăn thực hiện công tác ăn bán trú cho trẻ đảm bảo theo thực đơn hàng ngày **[H1-1-07-02].**

Nhân viên kế toán-văn thư, nhân viên Y tế trường học, nhân viên bảo vệ, nhân viên quét dọn, nhân viên nấu ăn thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao **[H2-2-03-01]**.

1.2. Mức 2

Từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H2-2-02-06]**.

1.3. Mức 3

Nhân viên kế toán trường có trình độ cao đẳng kế toán, nhân viên y tế trường học có trình độ trung cấp y sĩ, 01 nhân viên bảo vệ tham dự lớp tập huấn phòng cháy chữa cháy. Tuy nhiên còn 03 nhân viên nấu ăn chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn do chưa có lớp để tham gia học tập **[H2-2-03-02]**.

Hàng năm các nhân viên như: Kế toán-Văn thư, Y tế trường học-Thủ quỹ, bảo vệ, nhân viên nấu ăn được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức **[H2-2-03-03]**.

**2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có nhân viên thực hiện các nhiệm vụ được phân công, các nhân viên trong nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế. Nhân viên kế toán-văn thư, nhân viên Y tế trường học-thủ quỹ, nhân viên bảo vệ, nhân viên quét dọn, nhân viên nấu ăn thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật. Nhân viên kế toán có trình độ cao đẳng kế toán, nhân viên y tế trường học có trình độ trung cấp y sĩ, 01 nhân viên bảo vệ tham dự lớp tập huấn phòng cháy chữa cháy. Hàng năm các nhân viên đều được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức.

**3. Điểm yếu:**

Trường còn thiếu 01 nhân viên nấu ăn theo quy định do số lượng trẻ ăn thực tế hằng ngày chưa đủ 200 trẻ. Còn 03 nhân viên nấu ăn chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn do chưa có lớp tham gia học tập.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2018-2019 và những năm tiếp theo Hiệu trưởng nhà trường tích cực vận động tăng số lượng trẻ ăn bán trú và hợp đồng thêm 01 nhân viên nấu ăn để đảm bảo theo quy định. Bên cạnh đó Ban giám hiệu tích cực tham mưu để tạo điều kiện cho 03 nhân viên nấu ăn tham dự các lớp tập huấn theo qui định.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 1**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

***\* Điểm mạnh:***

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đa số đều đạt trình độ chuyên môn chuẩn và trên chuẩn. Hiệu trưởng có thời gian giảng dạy 14 năm, các phó hiệu trưởng có thời gian giảng dạy 17 đến 32 năm và đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục và lý luận chính trị. Giáo viên đủ số lượng dạy 2 buổi/ ngày hằng năm được bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ, có 04 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện. CB-GV-NV được nhà trường đảm bảo thực hiện các quyền lợi theo quy định của pháp luật, cuối năm học có 16/16 giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên chiếm tỉ lệ 80%, trường luôn giữ được mối đoàn kết nội bộ, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

***\* Điểm yếu:***

Trường còn 02 giáo viên hợp đồng có chuyên ngành khác, chưa đạt trình độ chuẩn theo quy định. Có 04 giáo viên do hợp đồng tạm nên không đánh giá được chuẩn nghề nghiệp giáo viên và còn 03 cấp dưỡng chưacó giấy chứng chỉ nghề nấu ăn.

***\* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/03 tiêu chí***

***\* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/03 tiêu chí***

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Trường Mầm non Phú Thành A có cơ sở vật chất khang trang, rộng thoáng mát, khuôn viên trường Xanh- sạch- đẹp, công trình kiên cố. Các phòng chức năng và khu hành chánh đảm bảo đúng theo quy định. Trường có khu vực sân chơi riêng đảm bảo cho trẻ có đầy đủ các loại đồ chơi, có vườn cây đảm bảo cho trẻ khám phá phát triển tư duy. Hằng năm, trường đã huy động các nguồn lực để tập trung cho các hoạt động giáo dục. Nhà trường đã sử dụng, quản lý cơ sở vật chất theo đúng quy định.

***Tiêu chí 1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn***

***Mức 1***

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

***Mức 2***

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

***Mức 3***

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

**1.1. Mức 1**

Trường có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích xây dựng 2.315.7m2 đảm bảo cho 227 trẻ đang tham gia hoạt động tại trường. Diện tích bình quân tối thiểu đảm bảo 10,19m2/1 trẻ. Điểm trường Tân Dinh 382.84m2 đảm bảo cho 50 trẻ đang tham gia hoạt động tại lớp. Diện tích bình quân tối thiểu đảm bảo 7,64m2/1 trẻ chưa đảm bảo diện.Các ấp Long Thành, Long An A học chung các trường Tiểu học. **[H3-3-01-01]**.

Trường khuôn viên, có cửa cổng đảm bảo an toàn, có biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường Mầm non, có hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ hoạt động trong khuôn viên viên. Khuôn viên trong và ngoài lớp học được vệ sinh sạch sẽ hàng ngày, có cây xanh – hoa kiểng, được trang bị đồ dùng đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn cho trẻ hoạt động. Các ấp Long Thành, Long An A chung tên trường Tiểu học. **[H3-3-01-02]**.

Trường có sân chơi, hiên chơi, hành lang cho từng lớp học và đảm bảo an toàn cho trẻ hoạt động. Tổng diện tích sân chơi chung 700m2 đảm bảo an toàn cho trẻ vui chơi ngoài trời. Sân chơi rộng rãi có 01 sân ðýợc bố trí 5 loại ðồ chõi, 01 sân Ấp Tân Dinh có 01 đồ chơi và được trồng cây xanh, hoa kiểng không có chất độc hại, đảm bảo an toàn cho trẻ khi tam gia chăm sóc cây và hoạt động trải nghiệm, khám phá **[H3-3-01-03]**.

**1.2. Mức 2**

Trường được xây dựng kiên cố, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích xây dựng công trình khối phòng học và phòng hành chính đạt 40%, diện tích sân vườn đạt 48,9% theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011.

Trường được xây dựng với khuôn viên có tường rào bao quanh với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ. Trước cửa lớp học đều có sân chơi dành riêng cho các lớp, sân chơi rộng, đảm bảo an toàn cho trẻ hoạt động. Ngoài ra, trường còn có vườn thực vật dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và có lồng ghép những hoạt động cho trẻ khám phá, học tập. Trường có cây xanh trồng xung quanh sân trường.

Trường có 02 sân chơi ngoài trời, có 01 sân chơi được bố trí đủ 05 loại đồ chơi theo quy định. 01 sân chơi chỉ có 01 đồ chơi ngoài trời nên chưa đủ theo quy định

**1.3. Mức 3**

Trường có khu vực phát triển vận động dành riêng cho trẻ và có bố trí đồ chơi cho trẻ hoạt động. Tuy nhiên, trường chưa thực hiện bổ sung đồ chơi ngoài trời đủ 5 loại cho điểm phụ, đồ dùng đồ chơi tự làm ở các khu vui chơi hàng năm.

**2. Điểm mạnh:**

Trường có diện tích xây dựng, có cổng, biển tên trường đảm bảo theo quy định. Khuôn viên được đảm bảo vệ sinh sạch sẽ hàng ngày, có hàng rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ. Trường có trồng cây xanh – hoa kiểng đảm bảo không có chất độc hại. Trường có khu vườn thực vật dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập. Sân chơi được trang bị đủ đồ dùng chơi ngoài trời theo quy định.

**3. Điểm yếu:**

Các điểm Long An A, Long Thành học chung với trường Tiểu học nên sử dụng chung bản tên trường và tưởng rào của trường tiểu học. Chưa có đồ chơi ngoài trời đủ 5 loại cho điểm phụ và đồ dùng tự làm bổ sung vào các khu vui chơi và khu phát triển vận động. Sân chơi điểm Tân Dinh hẹp, chưa đủ đồ chơi ngoài trời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Tham mưu với UBND xã và Phòng GD-ĐT xin kinh phí xây dựng trường tách riêng với tiểu học điểm Long An A, Long Thành. Tiết kiệm kinh phí mua sắm đồ chơi ngoài trời cho điểm phụ và tăng cường làm đồ dùng tự làm bổ sung vào các khu vui chơi và khu phát triển vận động.Hàng năm, chỉ đạo kế toán cân đối kinh phí đầu tư kinh phí trang bị, mua sắm bổ sung đồ dùng đồ chơi vào khu phát triển vận động. Chỉ đạo bộ phân chuyên môn tổ chức cho giáo viên làm đồ dùng bổ sung vào các khu vui chơi và khu phát triển vận động.

**5. Tự đánh giá: Không đạt**

***Tiêu chí 2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập***

***Mức 1***

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

***Mức 2***

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

***Mức 3***

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**1.1. Mức 1**

Trường có tổng cộng 11 phòng học dành cho 12 lớp mẫu giáo, số phòng học chưa đảm bảo đủ cho các lớp **[H1-1-03-03]**.

Trường có 11 phòng dành cho trẻ sinh hoạt chung, phòng ngủ làm nơi học tập, ăn, ngủ, cho trẻ.Trường có phòng nghệ thuật mượn làm phòng học do thiếu 01 phòng học nên phòng nghệ thuật chưa sử dụng đúng mục đích. Tuy nhiên trường vẫn tạo điều kiện để trẻ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.**[H3-3-01-03]**.

Các phòng học, các phòng chức năng, hành lang, nhà vệ sinh đều được trang bị hệ thống đèn đảm bảo đủ sáng cho các hoạt động. Hệ thống quạt trang bị đầy đủ ở các phòng học và phòng chức năng bảo đảo đủ mát. Các phòng học, phòng chức năng có trang bị đầy đủ tủ dựng hồ sơ, thiết bị dị dạy học **[H3-3-02-01]**.

**1.2. Mức 2**

Trường có phòng sinh hoạt chung với diện tích 46m2 trung bình 1,42m2/trẻ, phòng đa chức năng với diện tích 78,9m2 bảo đảm theo quy định Điều lệ trường Mầm non.

Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng đảm bảo đủ theo quy định và được bố trí, sắp xếp hợp lý, phù hợp cho từng đối tượng sử dụng. Tài liệu đảm bảo đủ trong công tác chăm sóc giáo dục, trong tác quản lý.

**1.3. Mức 3**

Trường chưa có phòng bé vui học, có phòng đa năng nhưng sử dụng đúng mục đích.Tuy nhiên, trường chưa có phòng học ngoại ngữ do trường không có tổ chức học ngoại ngữ cho trẻ.

**2. Điểm mạnh**

Trường có đủ phòng học tương ứng với số lớp theo độ tuổi. Có phòng sinh hoạt chung, phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, diện tích các phòng điều đảm bảo theo quy định. Có đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

**3. Điểm yếu**

Số phòng học chưa đảm bảo đủ cho các lớp. Còn sử dụng phòng nghệ thuật mượn làm phòng học do thiếu 01 phòng học nên sử dụng chưa đúng mục đích.

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ vì trường không có chương trình dạy ngoại ngữ cho trẻ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

BGH tích cực tham mưu với Lãnh đạo địa phương, Phòng giáo và Đào tạo xây dựng thêm phòng học để sử dụng đúng mục đích phòng nghệ thuật xây dựng văn phòng có diện tích rộng rãi đảm bảo cho công tác hội họp để lại phòng thể chất sử dụng đúng mục đích.

**5. Tự đánh giá: Không đạt**

***Tiêu chí 3: Khối phòng hành chính - quản trị***

***Mức 1***

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

*c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

***Mức 2***

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

***Mức 3***

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

1.1. Mức 1

Trường có 01 văn phòng trường diện tích 46,2m2 ,01 phòng hiệu trưởng có diện tích 21m2, 01 phòng phó hiệu trưởng có diện tích 21m2, 01 Phòng hành chính quản trị có diện tích 21m2, 01 Phòng y tế có diện tích 12m2 có nhà vệ sinh riêng, Chưa có phòng bảo vệ và phòng nhân viên, do bản thiết kế chưa theo thực tế nên tạm mượn phòng thể chất làm văn phòng trường. **[H3-3-02-01]**.

Nhà trường cung cấp các trang thiết tối thiểu cho các bộ phận đầy đủ phương tiện để làm việc như: Có 05 bàn làm việc và 05 máy vi tính, 05 máy in, có 01 tủ sách pháp luật, 08 tủ hồ sơ và 01 bộ ghế Salon tiếp khách, các biểu bảng theo qui định. **[H3-3-02-01]**.

Nhà trường có khu để xe cho giáo viên, nhân viên có diện tích 5.5m2 có mái che để bảo quản tốt tài sản của giáo viên, nhân viên. Khu để xe được bố trí phù hợp và được đảm bảo an toàn, trật tự. Tuy nhiên diện tích còn hẹp chưa đáp ứng để cho tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và khi có khách đến trường để đậu xe. **[H3-3-03-01]**.

1.2. Mức 2

Trường có 01 văn phòng trường diện tích 46,2m2 có bộ bàn và 30 ghế ngồi họp, có biểu bảng theo qui định, 01 tủ đựng hồ sơ; 01 phòng hiệu trưởng có diện tích 21m2 . 01 phòng phó hiệu trưởng có diện tích 21m2, có 01 bàn làm việc và 02 máy vi tính, Phòng hành chính quản trị có diện tích 21m2, có 01 máy vi tính và các phương tiện làm việc của kế toán 01 Phòng y tế có diện tích 12m2 có nhà vệ sinh, Chưa có phòng bảo vệ và phòng nhân viên, do thiết kế chưa theo thục tế nên tạm mượn phòng thể chất làm văn phòng trường., có các trang thiết bị y tế và các đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ

Khu để xe cho giáo viên, nhân viên có diện tích 5.5m2 có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi cho việc sự dụng. Tuy nhiên diện tích còn hẹp chưa đáp ứng để cho tất cả cán bô, giáo viên, nhân viên và khi có khách đến trường để đậu xe.

1.3. Mức 3

Nhà trường không có chưa có pḥng dành cho nhân viên, không có pḥng bảo vệ; theo *theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**2. Điểm mạnh:**

Trường có văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, Phòng hành chính quản trị, Phòng y tế, khu ðể xe. Các phòng được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc.

**3. Điểm yếu:**

Nhà trường không có phòng dành cho nhân viên, không có phòng bảo vệ; Diện tích khu để xe còn hẹp chưa đáp ứng để cho tất cả cán bô, giáo viên, nhân viên và khi có khách đến trường để đậu xe.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Hiệu trưởng tích cực tham mưu với Đảng ủy, UBND xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng thêm phòng nhân viên, phòng bảo vệ, mở rộng thêm diện tích khu để xe đáp ứng cho tất cả cán bô, giáo viên, nhân viên và khi có khách đến trường để đậu xe.

**5. Tự đánh giá: Không đạt**

***Tiêu chí 4: Khối phòng tổ chức ăn***

***Mức 1***

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

***Mức 2***

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

***Mức 3***

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1

Trường có 01 bếp ăn diện tích 56m2 được xây dựng kiên cố làm nơi nấu ăn cho trẻ. Nhà bếpthực hiện theo quy định bếp ăn một chiều được trang bị đầy đủ các đồ dùng để nấu ăn như: Tủ hấp cơm 30kg, bàn tiếp phẩm và sơ chế thực phẩm 2 tầng, bếp ga công nghiệp 2 lò không bình ga, bồn rửa thực phẩm 3 ngăn, kệ xoong 4 tầng, máy xây thịt, xe đẩy cơm và thức ăn 2 tầng, bộ dụng cụ để nấu thức ăn, bộ chậu (Thau) đựng thức ăn chín, tủ lạnh 245 lít, bộ dụng cụ đựng thức ăn chín, các đồ dùng đảm bảo vệ sinh và có làm ký hiệu chín – sống riêng. Có nội quy của nhà bếp, có bình chữa cháy và tiêu lệnh chữa cháy, 10 nguyên tắc vàng chế biến thức ăn. Có tủ lạnh và hộp lưu mẫu thức ăn sống, chín hàng ngày đúng theo quy định 24 giờ, có kho chứa thực phẩm, có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, bảo đảm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm **[H3-3-04-01]**.

Trường không có kho thực phẩm riêng. Kho thực phẩm được tận dụng theo phần dưới các bàn sơ chế, nấu, thành phần, chia thức ăn rất tiện lợi trong việc bảo quản các loại thực phẩm riêng biệt,bảo đảm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm theo các quy định.

Trường có 01 tủ lạnh, 01 tủ đông nên rất thuận lợi cho việc lưu trữ mẫu thức ăn đảm bảo thực phẩm chưa sử dụng đúng theo quy định an toàn, vệ sinh, thực phẩm được an toàn.

1.2. Mức 2

Bếp ăn hiện tại chưa đảm bảo cho 0,3-0,35m2 cho một trẻ em diện tích mới đạt 0,24m2/1 trẻ. Tuy nhiên trường cũng phân chia thành khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế theo dây truyền hoạt động một chiều. Có đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm, tủ đông lưu giữ thực phẩm tươi ngon cho trẻ ăn bán trú, có đủ nước sử dụng, chất lượng nước phải được cơ quan y tế kiểm định. Các chất thải được xử lý đúng theo quy định; có trang bị bình chữa cháy tại nơi nấu ăn đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ.

1.3. Mức 3

Nhà trường không có bếp ăn dành cho trẻ ăn trưa, bán trú tại trường nên bếp ăn không đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non*.*

**2. Điểm mạnh:**

Trường có tủ lạnh nên rất thuận lợi cho việc lưu trữ mẫu thức ăn đảm bảo đúng theo quy định vệ sinh, an toàn, thực phẩm.

**3. Điểm yếu:**

Trường không có kho thực phẩm, còn tận dụng các bàn sơ chế, nấu,chia thức ăn phân thành khu kho chứa thực phẩm cho trẻ bán trú nên không đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Diện tích nhà bếp còn hẹp chưa đảm bảo 0,3-0,35m2/1 trẻ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Hiệu trưởng tích cực tham mưu với Đảng ủy, UBND xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo và tiết kiệm kinh phí xây kho thực phẩm, mở rộng thêm diện tích nhà bếp ra phần hành lang đảm bảo theo đúng quy định.

**5. Tự đánh giá: Không đạt**

***Tiêu chí 5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi***

***Mức 1***

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

***Mức 2***

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm*

***Mức 3***

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1 Mức 1

Nhà trường có các Thiết bị, đồ dùng đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Mỗi lớp học được trang bị đủ đồ dùng cho trẻ, trong đó có đầy đủ các đồ dùng, dụng cụ cần thiết thuận lợi cho việc sử dụng trên lớp. Tranh ảnh, bản đồ, … phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập **[H3-3-05-01]**.

Nhà trường có trang bị các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Hàng tháng thông qua hoạt động dự giờ các tiết dạy của giáo viên nhà trường có thể đánh giá được TBĐD, ĐC tự làm và ngoài danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn và phù hợp với trẻ **[H3-3-05-02]**.

Nhà trường thực hiện việc kiểm kê thiết bị giữa học kỳ I và cuối năm học. Thống kê các thiết bị đồ dùng hư hỏng báo cáo kịp thời về Hiệu trưởng để thanh lý và xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung, sửa chữa kịp thời đảm bảo cho việc dạy và học trong năm học. Tuy nhiên một số thiết bị hư hỏng do việc bảo quản của giáo viên sau khi Thiết bị đã bàn giao về các lớp học còn hạn chế **[H3-3-05-03]**, **[H3-3-05-04]**.

1.2 Mức 2

Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ tốt công tác quản lý, hoạt động dạy học. Tuy nhiên còn 06 nhóm lớp dưới 5 tuổi chưa được trang bị đầy đủ đồ dùng và máy tính để phục vụ cho hoạt động dạy học.

Nhà trường có trang bị đủ thiết bị dạy học cho các lớp 5 tuổi theo quy định cho các nhóm lớp phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Trong năm học có xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung thiết bị cho các nhóm lớp theo từng giai đoạn trong năm học.

Hằng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung thiết bị cần thiết vào đầu năm học cho các nhóm lớp nhưng chưa đầy đủ theo số lượng quy định.

1.3 Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả qua các hoạt động khi được kiểm tra dự giờ thăm lớp. Đồng thời cũng đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích hợp các nội dung phát triển vận động vào cac hoạt động nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**2. Điểm mạnh:**

Có đủ các thiết bị tối thiểu đảm bảo quy định tại Văn bản Hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT, ngày 23/3/2015 cho các lớp 5 - 6 tuổi từ 80-90%. Việc khai thác và sử dụng đồ dùng, đồ chơi dạy học hợp lí và đạt hiệu quả cao trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Công tác kiểm kê, sửa chữa và mua sắm bổ sung các thiết bị đồ dùng, đồ chơi được duy trì một cách thường xuyên.

**3. Điểm yếu:**

Một số thiết bị hư hỏng do việc bảo quản của giáo viên sau khi Thiết bị đã bàn giao về các lớp học còn hạn chế. Đồng thời còn 06 nhóm lớp dưới 5 tuổi chưa được trang bị máy tính, đồ dùng thiết bị tối thiểu đảm bảo quy định tại Văn bản Hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT, ngày 23/3/2015 đầy đủ cho các lớp dưới 5 tuổi để phục vụ cho hoạt động dạy học. Hằng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung thiết bị cần thiết vào đầu năm học cho các nhóm lớp nhưng chưa đầy đủ theo số lượng quy định do kinh phí còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học Hiệu trưởng phân công cho Phó hiệu trưởng cơ sở vật chất và các giáo viên tiếp tục duy trì công tác bảo quản thiết bị, đồ dùng, đồ chơi dạy học hiện có, phát huy hiệu quả việc khai thác, sử dụng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Hiệu trưởng phân công cho Phó hiệu trưởng cơ sở vật chất xây dựng kế hoạch kiểm tra việc bảo quản thiết bị vào đầu năm học. Hàng năm Hiệu trưởng có kế hoạch trích kinh phí để mua sắm bổ sung thêm các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp dưới 5 tuổi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 1**

***Tiêu chí 6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

***Mức 1***

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ðảm bảo không ô nhiễm môi trýờng; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

***Mức 2***

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1

Nhà trường có nhà vệ sinh dành cho trẻ và 02 công trình dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Mỗi công trình vệ sinh đều có vòi nước, phục vụ cho việc vệ sinh cá nhân. Bên cạnh đó nhà trường chưa có phòng vệ sinh phân biệt nam, nữ và phòng vệ sinh đảm bảo thuận lợi cho trẻ khuyết tật.**[H3-3-06-01].**

Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ động xung quanh trường lớp đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường đã sử dụng nguồn nước từ các cơ sở đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt để phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh để sử trong sinh hoạt hàng ngày. Hàng năm có thực hiện ký hợp đồng với cơ sở cung cấp nước uống và nước sinh hoạt trạm cấp thoát nước trên địa bàn. **[H3-3-06-02].**

Nhà trường có trang bị đầy đủ các thùng rác nắp đậy cho các nhóm lớp và có phân loại rác thải, rác tái chế. Hàng năm có ký hợp đồng với Công ty thu gom rác sinh hoạt để đảm bảo vệ sinh môi trường, trường có hố xử lí rác tại chỗ, hàng ngày, sau khi các lớp vệ sinh xong mang ra hố xử lí rác phơi khô và đốt. **[H3-3-06-03].**

1.2. Mức 2

Trường có 13 phòng vệ sinh cho trẻ và 02 khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện nhưng việc xây dựng nhà vệ sinh cho trẻ không có vách ngăn nam, nữ và không có kiến để giáo viên quan sát khi trẻ đi vệ sinh, cảnh quan chưa đảm bảo theo quy định.

Trường có hệ thống cung cấp nước sạch đảm bảo đủ cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt hàng ngày. Hệ thống thoát nước mưa được thiết lập cống thoát nước đảm bảo sạch sẽ, không có mùi hôi thối từ các khu vực nhà vệ sinh, sân trường, khu vực nhà bếp. Hàng năm, nhà trường có ký hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt để đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường có hố xử lí rác tại chỗ, phân biệt các loại rác tái chế, rác thải để xử lí phù hợp theo quy định.

**2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có đủ khu nhà vệ sinh đáp ứng nhu cầu hàng ngày của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ.

Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường và sử dụng nguồn nước trong ăn uống và nước sinh hoạt hàng ngày cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo vệ sinh an toàn.

Trường có trang bị các thùng rác để phân loại rác tái chế và rác thải. Hàng năm trường có ký hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt để đảm bảo vệ sinh môi trường.

**3. Điểm yếu:**   
 Nhà trường chưa có phòng vệ sinh phân biệt nam, nữ và không có phòng vệ sinh cho trẻ khuyết tật, nhà vệ sinh các điểm phụ xa khó quan sát do học chung trường tiểu học cảnh quan chưa đảm bảo theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**Nhà trường tiếp tục tham mưu cấp trên để cải thiện các công trình phòng vệ sinh phân biệt nam, nữ và khu vực vệ sinh cho trẻ khuyết tật.**

**Nhà trường cân đối kinh phí tiết kiệm để cải thiện phòng vệ sinh nam, nữ và phù hợp.**

Nhà trường tiếp tục phát huy tốt công trình vệ sinh để được sử dụng lâu dài, hiệu quả, góp phần làm cho môi trường, trường học luôn sạch, đẹp.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 1**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

***\* Điểm mạnh:***

Trường có diện tích, khuôn viên và các công trình đảm bảo yêu cầu về thiết kế theo quy định của Điều lệ trường Mầm non, có cổng trường, có hàng rào xung quanh, có sân chơi, đảm bảo đủ phòng học. Có nguồn nước sạch, hệ thống cây xanh vườn cây cho trẻ khám phá; có phòng sinh hoạt chung, khối phòng hành chính quản trị đảm bảo yêu cầu; Có đủ sách báo, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định của Bộ GD&ĐT và hàng năm có sửa chữa thay thế, bổ sung. Có khu vệ sinh cho trẻ và cho cán bộ giáo viên, nhân viên.

***\* Điểm yếu:***

Các điểm Long An A, Long Thành chưa có đủ 5 loại đồ chơi ngoài trời theo qui định, điểm trường Tân Dinh khu vực chơi chưa được lát gạch, phòng nghệ thuật, thể chất của trường chưa sử dụng đúng mục đích theo qui định. Bếp ăn chưa có phòng kho riêng còn tận dụng phần dưới các bàn sơ chế, chia thực phẩm làm kho, diện tích nhà bếp còn hẹp, thiếu một số phòng theo qui định như: Phòng nhân viên, phòng bảo vệ do thiết kế xây dựng thiếu, số lượng đồ dùng theo quy định Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ở các lớp dưới 5 tuổi chưa đảm bảo theo quy định.

***\* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:* 2/6 tiêu chí**

***\* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:* 4/6 tiêu chí**

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:** Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường và các lớp hoạt động theo đúng quy định, luôn chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Giáo viên và gia đình thường xuyên trao đổi thông tin về trẻ. Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương huy động các nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, tăng cường cơ sở vật chất và tinh thần, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

***Tiêu chí 1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

***Mức 1***

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

***Mức 2***

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

***Mức 3***

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy ðịnh của Ðiều lệ Ban ðại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường gồm 11 thành viên được thành lập theo quyết định số 215/QĐ.UBND của xã Phú Thành A. Ban Đại diện cha mẹ trẻ em trườn hoạt động theo quy định Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Thành viên Ban Đại diện Cha mẹ trẻ em các lớp hoạt động chưa đều tay do còn bận công việc gia đình nên hoạt động còn khó khăn**. [H4-4-01-01].**

Ban đại diện cha mẹ trẻ em có xây dựng kế hoạch họp thường kỳ theo chương trình hoạt động năm học, đưa ra các giải pháp hoạt động thiết thực hỗ trợ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. **[H4-4-01-02].**

Ban đại diện cha mẹ trẻ em tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng theo tiến độ đề ra. Đầu năm học Ban đại diện cha mẹ trẻ em tổ chức phát quà trung thu cho 372 trẻ em nhân ngày “Bé vui hội trăng rằm” **[H4-4-01-03].**

1.2. Mức 2

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp với nhà trường thông qua quy chế hoạt động của BĐD trong việc thực hiện nhiệm vụ theo năm học và các hoạt động giáo dục mang lại kết quả khả quan: vận động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt chỉ tiêu, huy động trẻ 5 tuổi đến trường đạt 100%; vận động trẻ ăn 2 buổi/ngày được 72 trẻ **[H4-4-01-04].** Vận động trẻ 3- 5 tuổi học 2 buổi/ngày đạt trên 90%. Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền với mọi người chăm sóc, giáo dục trẻ khi ở nhà như: cho trẻ ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng theo độ tuổi, tham gia các hoạt động phù hợp với độ tuổi; hướng dẫn tuyên truyền phụ huynh nên đưa trẻ đến trường, cho trẻ học 2 buổi/ngày hoặc cho trẻ ăn trưa tại trường giúp trẻ được giáo dục tốt hơn ... qua các buổi họp, phối họp cùng nhà trường phổ biến luật trẻ em thì trẻ phải được đến trường. Khi trẻ đi học phải đóng học phí... Tỉ lệ huy động trẻ 3- 5 tuổi ra lớp đạt 82,18% vượt chỉ tiêu trên giao (78,96% theo PCGD),Tỉ lệ huy động trẻ nhà trẻ tuổi ra lớp đạt 32,90% chưa đạt chỉ tiêu trên giao (34,52% theo PCGD)

1.3. Mức 3

Nhà trường được các mạnh thường quân hỗ trợ vỏ xe hon da, các lon sữa, đất, cây xanh, hạt giống... làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ, cho trẻ trải nghiệm ở khu vui chơi mở rộng... đúng theo qui định của điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh. Công tác xã hội hóa của nhà trường chưa cao **[H4-4-01-05]**.

**2. Điểm mạnh:**

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường gồm 11 thành viên được thành lập theo quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND xã Phú Thành A. Ban Đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ em xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm học có đưa ra các biện pháp phối hợp cùng nhà trường trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Ban đại điện cha mẹ học sinh có tổ chức các cuộc họp đúng theo tiến độ và đúng theo qui định.

**3. Điểm yếu:**

Thành viên Ban Đại diện Cha mẹ trẻ em các lớp hoạt động chưa đều trong hội họp do còn bận công việc gia đình, đi làm ăn xa nên hoạt động còn khó khăn**.** Tỉ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 32,90% chưa đạt chỉ tiêu trên giao (34,52% theo PCGD). Công tác xã hội hóa của nhà trường chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong học 2018 – 2019 này Ban Đại diện Cha mẹ trẻ em các lớp tiếp tục vận động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt chỉ tiêu trên giao (34,52% theo PCGD). Các năm tiếp theo củng cố thành viên Ban Đại diện Cha mẹ trẻ em các lớp hoạt động tốt hơn. Ban Đại diện Cha mẹ trẻ em chủ động phối hợp cùng Ban giám hiệu nhà trường tích cực và mạnh dạn hơn nữa trong việc vận động các tổ chức đoàn thể xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài địa phương hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục. Tranh thủ sự ủng hộ về tinh thần và vật chất góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ nhằm tạo sự đồng thuận trong việc huy động sự tham gia đóng góp tích cực của xã hội để cải tạo, nâng cấp điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu tại trường.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 1**

***Tiêu chí 2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;***

***Mức 1***

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

***Mức 2***

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

***Mức 3***

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1

Nhà trường chủ động trực tiếp báo cáo, tham mưu, đề xuất với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Phú Thành A đưa ra chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tại địa phương, huy động trẻ ra lớp đạt chỉ tiêu, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề cho Cán bộ - giáo viên- nhân viên trong nhà trường, xây thêm phòng học, cải tạo khu vui chơi và nhà vệ sinh của trẻ tại các điểm trường đúng theo qui định **[H4-4-02-01].**

Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách củ Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường qua nhiều hình thức: Tuyên truyền qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, tuyên truyền trực tiếp với cha mẹ trẻ thông qua bảng tin, giờ đưa đón trẻ về công tác huy động học sinh ra lớp đạt chỉ tiêu trên giao, tổ chức cho trẻ ăn 2 buổi/ngày.

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Tuy nhiên việc huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân vẫn còn một số hạn chế do phần lớn người dân của địa phương là công nhân và đi làm thuê nên sức đóng góp chưa cao.

1.2. Mức 2

Nhà trường có tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề cho Cán bộ - giáo viên- nhân viên trong nhà trường, xây thêm phòng học, cải tạo khu vui chơi và nhà vệ sinh của trẻ tại các điểm trường đúng theo qui định.

Phối hợp với Phòng Giáo dục &Đào tạo, bí thư, Hội phụ nữ xã, Ban đại diện cha mẹ trẻ em, công đoàn cơ sở, chi đoàn trường để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương : tổ chức các ngày hội, ngày lễ đặc biệt là Tết trung thu, ngày hội đến trường, bé vui xuân, ngày hội ra trường của bé ...; quan tâm hỗ trợ đến các cháu hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ cho các cháu được đến trường để được chăm sóc giáo dục **[H4-4-02-02].**

1.3. Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, UBND xã Phú Thành A và phối hợp có hiệu quả với công đoàn và chi đoàn trường tổ chức cho trẻ tham quan khu Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, tham quan trường tiểu học, cùng nhau xây dựng nhà trường đạt đơn vị văn hóa năm 2019.

**2. Điểm mạnh:**

Trong năm học, nhà trường chủ động tham mưu với cấp Đảng, chính quyền địa phương về các chính sách nhằm nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; huy động được sự tham gia đóng góp tích cực của cha mẹ học sinh để cải tạo, nâng cấp điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường; phối hợp tốt với các ban ngành, đoàn thể trên địa bàn tạo môi trường giáo dục lành mạnh cho trẻ.

**3. Điểm yếu:**

Việc vận động các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất vẫn còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2018 – 2019 và những năm tiếp theo, Ban giám hiệu nhà trường chủ động, tích cực và mạnh dạn hơn nữa trong việc vận động các tổ chức đoàn thể xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài địa phương hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục. Tranh thủ sự ủng hộ về tinh thần và vật chất góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục tại trường.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Kết luận: Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội 1. Điểm mạnh cơ bản**

Nhà trường có thành lập 11 Ban đại diện cha mẹ trẻ em của lớp, Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường gồm 19 thành viên theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. BGH nhà trường có các biện pháp và hình thức tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ khi ở nhà. Giáo viên có sự trao đổi thông tin thường xuyên về tình hình sức khỏe, ăn, ngủ, học tập của trẻ giữa nhà trường và gia đình. Nhà trýờng luôn chủ ðộng trong công tác tham mýu với cấp ủy Ðảng, chính quyền ðịa phýõng ðể ðýa ra các chính sách phù hợp ðể nâng cao chất lýợng chãm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trýờng có phối hợp với các tổ chức, ðoàn thể, cá nhân hỗ trợ cây xanh cho nhà trýờng tạo cảnh quang xanh-sạch- ðẹp, trang biò ðôÌ duÌng nâìu bêìp cho nhaÌ trýõÌng.Vận ðộng phụ huynh hỗ trợ hiện vật ðể phục vụ các hoạt ðộng của nhà trýờng.

**2. Điểm yếu cơ bản**

Còn một số phụ huynh chưa thường xuyên tham gia hội họp do hoàn cảnh kinh tế phải đi làm ăn xa, một số phụ huynh chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình nên còn hạn chế trong vấn đề hội họp.

Hiệu quả phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân chưa cao để huy động nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất cho trường do chưa được sự quan tâm nhiều của các tổ chức đoàn thể, cá nhân về bậc học mầm non.

**+ Số tiêu chí đạt: 02/02 tiêu chí**

**+ Số tiêu chí không đạt: 00 tiêu chí.**

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu**: Trường Mầm non Phú Thành A là một trong những trường có chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ có uy tín trên địa bàn được phụ huynh trong và ngoài xã tin tưởng gửi con. Trong xu thế hội nhập toàn cầu, trường đã có nhiều đổi mới trong công tác quản lí, phương pháp dạy học nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội cũng như nguyện vọng của học sinh và cha mẹ học sinh. Trong nhiều năm qua, tập thể lãnh đạo và CBVC nhà trường đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, mang lại nhiều thay đổi tích cực, kết quả đáng khích lệ trong các hoạt động giáo dục, phát triển đội ngũ, tăng cường chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

***Tiêu chí 1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

***Mức 1***

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

***Mức 2***

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

***Mức 3***

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1

Nhà có có triển khai tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non tại đơn vị theo kế hoạch số 92/KH-MNPTA.CM. Các kế hoạch này được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của trường đảm bảo các nội dung tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Các tổ chuyên môn của nhà trường căn cứ vào kế hoạch để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ**.**Tuy nhiên việc xác định thời gian thực hiện các kế hoạch đôi lúc chưa thực hiện đúng theo kế hoạch đã lên **[H1-1-08-01].**

Qua thực tế nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục với điều kiện nhà trường như khuyến khích cô và trò cùng nhau học và làm đồ chơi để vận dụng vào tiết học tiếp theo, thay vì lúc trước chỉ có cô làm việc này. Với sự thay đổi này, giúp cho mỗi trẻ mầm non tiếp cận và thỏa sức sáng tạo theo ý thích của mình, bổ sung tạo điều kiện cho cô và trẻ, phát huy khả năng sáng tạo không chỉ trong giờ học mà còn trong mọi hoạt động ở trường. Cô luôn đổi mới tiết dạy, trẻ tích cực phát huy khả năng thông qua hoạt động khám phá, vui chơi, các giáo viên có thể linh hoạt lựa chọn thời gian, đề tài cũng như cách thức dạy học phù hợp với hứng thú của trẻ và điều kiện cơ sở vật chất của từng lớp **[H1-1-08-01].**

Nhà trường có xây dựng Kế hoạch kiểm tra nội bộ số 128/KH-KTr ngày 19 tháng 9 năm 2018 để rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non trongnhà trường. Bên cạnh đó bộ phận chuyên môn thường xuyên lên kế hoạch dự giờ hàng tháng bao gồm tiết tốt, thao giảng hội giảng để đánh giá các hoạt động của cô và trẻ. Nhà trường đã chủ động trong việc lấy ý kiến của các giáo viên để điều chỉnh kịp thời, phù hợp, bổ sung hoàn thiện cũng như định hướng để các giáo viên chỉnh sửa lại các kế hoạch, các hoạt động phù hợp với trình độ nhận thức của trẻ và đặc thù của các lớp học, giúp giáo viên có thể linh hoạt sáng tạo trong phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục và thiết kế các hoạt động theo sự hứng thú của trẻ, xây dựng các dữ liệu về hình ảnh, các trò chơi, bài hát... giúp trẻ tích cực tham gia các hoạt động nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị **[H5-5-01-01]**

1.2. Mức 2

Qua việc triển khai các kế hoạch nhà trường đã thực hiện một cách đồng bộ từ bộ phận chuyên môn nhà trường, đến các tổ khối đảm bảo việc tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đạt chất lượng, được sự đánh giá cao từ phụ huynh học sinh và khả năng tiến bộ của trẻ. Mỗi mặt phát triển của trẻ được nhìn nhận và đánh giá theo cách học khác nhau, với hứng thú và khả năng khác nhau. Trong Chương trình giáo dục mầm non các giáo viên nhận thức được các nhu cầu và phát triển tối đa năng lực của mỗi cá nhân trẻ. Tạo cơ hội để trẻ khám phá và thử nghiệm phát triển trí tuệ đa dạng của mình.

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương thông qua từng chủ đề giáo viên luôn lên kế hoạch đầy đủ để giúp trẻ phát triến nhận thức, khuyến khích trẻ tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh qua tranh ảnh, video, qua việc trải nghiệm thực tế các văn hóa ở địa phương để trẻ nói lên nhận xét của mình về những điều trẻ nhìn thấy và trải nghiệm được. Qua các hoạt động đó đa số trẻ đã thể hiện được khả năng quan sát, ghi nhớ các sự vật hiện tượng, khả năng so sánh các sự vật hiện tượng gần gũi khả năng phán đoán và giải quyết tình huống phù hợp với độ tuổi của trẻ từ đó nó đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Tuy nhiên giáo viên còn lún túng trong việc đưa và lựa chọn những nội dung mới áp dụng vào các hoạt động của cô và trẻ.

1.3. Mức 3

Giáo viên chưa mạnh dạn phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương. Thông qua từng chủ đề giáo viên còn lúng túng trong việc đưa và lựa chọn những nội dung mới áp dụng vào các hoạt động của cô và trẻ. Nguyên nhân là do các giao viên chưa nắm kỹ chương trình giáo dục mầm non là theo hướng mở, các giáo viên ngại phải đổi mới, chưa tự tin mạnh dạn phát huy những cái mới.

Hằng năm nhà trường có thực hiện việc tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường thực hiện việc đánh giá dựa trên các điều kiện khách quan, công tâm thông qua các hội thi, các lần dự giờ tiết tốt, thao giảng, hội giảng sau các buổi ấy thì nhà trường tiến hành rút kinh nghiệm qua việc rút kinh nghiệm ấy giúp cho giáo viên có hướng điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường có phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; chú trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, trên cơ sở đó giúp giáo viên điều chỉnh kế hoạch giáo dục, tổ chức các hoạt động giáo dục tiếp theo cho phù hợp với hoạt động thực tế và với trẻ; coi trọng đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hàng ngày **[H1-1-03-03]**

**2. Điểm mạnh:**

Việc thực hiện chương trình giáo dục Mầm non của trường được xây dựng gắn với thực tế của trường, được thể hiện rõ qua kế hoạch hoạt động chuyên môn cụ thể năm, kỳ, tháng, tuần. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch giảng dạy và học tập cho từng lĩnh vực thông qua phân phối chương trình kế hoạch của Sở, của Phòng. Các kế hoạch này được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của trường đảm bảo các nội dung tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Hằng năm nhà trường có thực hiện việc tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường thực hiện việc đánh giá dựa trên các điều kiện khách quan, công tâm thông qua các hội thi, các lần dự giờ tiết tốt, thao giảng, hội giảng

**3. Điểm yếu:**

Việc xác định thời gian thực hiện các kế hoạch đôi lúc chưa thực hiện đúng theo kế hoạch đã lên. Nguyên nhân là do thời gian thực hiện kế hoạch trùng với một hoạt động khác của nhà trường diễn ra cùng lúc.

Giáo viên chưa mạnh dạn phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương. Thông qua từng chủ đề giáo viên còn lúng túng trong việc đưa và lựa chọn những nội dung mới áp dụng vào các hoạt động của cô và trẻ. Nguyên nhân là do các giao viên chưa nắm kỹ chương trình giáo dục mầm non là theo hướng mở, các giáo viên ngại phải đổi mới, chưa tự tin mạnh dạn phát huy những cái mới.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trường thường xuyên xem và điều chỉnh thời gian của các kế hoạch cho phù hợp để đảm bảo các hoạt động điều được thực hiện đồng bộ.

Khuyến khích động viên định hướng cho giáo viên nghiên cứu nắm vững chương trình giáo dục mầm non theo 28/TT BGDĐT và nghiên cứu các chương trình cũng như những cái mới, cái hay của của các nước trong khu vực và trên thế giới để áp dụng vào trong công tác giảng dạy của mình.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

***Tiêu chí 2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ***

***Mức 1***

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều h́nh thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

***Mức 2***

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

***Mức 3***

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1

Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức các phong trào thi đua nhằm khuyến khích giáo viên trong nhà trường thi đua nhau trong tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Bên cạnh đó nhà trường còn trang bị nguyên vật liệu và tạo mọi điều kiện thuận lợi để giáo viên tổ chức tốt các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của trường lớp. Giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phải đảm bảo phù hợp mục tiêu, nội dung giáo dục phải phù hợp với trẻ với điều kiện thực tế của lớp.

Đầu năm nhà trường có xây dựng kế hoạch và triển khai đến giáo viên về phong trào thi đua tạo môi trường bên trong và bên ngoài lớp học cho trẻ được học tập, vui chơi và trải nghiệm theo hướng tích hợp lấy trẻ làm trung tâm, cho trẻ tham quan trường tiểu học, tổ chức phong trào thi đua trang trí lớp, tổ chức phong trào làm đồ dùng đồ chơi đa dạng từ các nguyên vật liệu **[H5-5-02-01]**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục đa dạng hình thức nhưng vẫn phù hợp với từng độ tuổi của trẻ và phù hợp với điều kiện thực tế của trường: Trong năm nhà trường tổ chức các hoạt động lễ hội, tham quan như: ngày hội đến trường của bé, bé vui hội trăng rằm, ngày hội dinh dưỡng, tham quan trường tiểu học **[H5-5-02-02].** Thông qua đó giúp trẻ có cơ hội trải nghiệm thực tế, giúp các cháu vận dụng những hiểu biết của cuộc sống một cách dễ dàng, thuận lợi. Các hoạt động có thể tổ chức theo nhóm, lớp hoặc khối. Bên cạnh đó, việc đa dạng các hình thức tổ chức cũng góp phần thu hút sự tham gia phối hợp của PHHS trong các hoạt động, tạomối liên hệ gắn kết giữa nhà trường- gia đình.

1.2. Mức 2

Tăng cường các hoạt động giáo dục theo hướng thực hành, trải nghiệm, khám phá theo nhu cầu, hứng thú của trẻ, linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Dạy trẻ những cái mới, cái trẻ chưa biết, Phát huy tối đa tính tích cực của trẻ thông qua các hoạt động giáo dục **[H5-5-02-03]**

1.3. Mức 3

Tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua các trò chơi nhằm giúp trẻ hứng thú tham gia các hoạt động, đa dạng môi trường và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, khuyến khích giáo viên tổ chức các hoạt động theo nhóm nhằm giúp trẻ có cơ hội học hỏi trao đổi với nhau, Tăng cường xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học theo hình thức đổi mới, sang tạo để kichs thích sự tò mò, khám phá của trẻ.

**2. Điểm mạnh:**

Nhà trường luôn quan tâm sâu sắc đến công tác chăm sóc giáo dục trẻ, luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất có thể để khuyến khích giáo viên đa dạng các hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ. Luôn tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp tập huấn, thao giảng, hội giảng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường

**3. Điểm yếu:**

Việc tổ chức các hoạt động còn hạn chế là do điều kiện và tình hình thực tế ở trường còn thiếu giáo viên nên nhà trường phải hợp đồng tạm giáo viên chuyên ngành khác nên việc tổ chức thực hiện các phương pháp chưa được linh hoạt, chưa đảm bảo phù hợp với mục tiêu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Tăng cường bồi dưỡng cho giáo viên về chuyên môn, tham mưu với lãnh đạo PGD tuyển giáo viên mới. Tiếp tục phát huy điểm mạnh của nhà trường . Nhà trường và các thành viên hội đồng trường cần tăng cường nâng cao chất lượng giảng dạy bằng cách tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tham gia các lớp học chuyên ngành mầm non, tham gia học tập kinh nghiệm với nhiều hình thức: tham gia các lớp tập huấn, thao giảng, hội giảng, tham gia học tập kinh nghiệm ở trường bạn. Đồng thời phối hợp, tìm tòi những phương pháp mới, linh hoạt nhằm kích thích sự hứng thú, tìm tòi, khám phá của trẻ, đầu tư trang thiết bị, đồ dung, đồ chơi nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và vui chơi của cô và trẻ, khuyến khích giáo viên đa dạng và linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

***Tiêu chí 3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ***

***Mức 1***

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

***Mức 2***

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

***Mức 3***

*Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1

Năm học 2018-2019 nhà trường có xây dựng Kế hoạch số 114/KH-MNPTA ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc phối hợp với trạm y tế xă Phú Thành A trong việc tổ chức kiểm tra sức khỏe cho trẻ trong nhà trường và kết hợp về công tác tuyên truyền phòng bệnh, tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ đến phụ huynh học sinh **[H5-5-03-01]**.

Trong năm học đã có 398/398 trẻ kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, theo dõi cân nặng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định **[H5-5-03-02]**.

Tổng số học sinh của trường 398 trẻ, tính đến thời điểm tháng 9/2018 số trẻ có cân nặng và chiều cao bình thường là 321/398 tỷ lệ 80,65%; Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi là 18/398 tỉ lệ 4,52%; trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 13/398 tỉ lệ 3,27%. Ngoài ra, số trẻ thừa cân, béo phì của trường là 33/398 tỉ lệ 8,29%. Nhà trường đã có kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng, nhân viên y tế và giáo viên của trường đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền với PHHS giảm chế độ hợp lý, ăn nhiều rau xanh cho trẻ khi ở nhà, giáo viên lựa chọn các bài tập thể dục phù hợp nhằm giúp trẻ hạn chế tình trạng thừa cân tại đơn vị **[H5-5-03-03],** đến thời điểm tháng 02/2019 số trẻ có cân nặng và chiều cao bình thường là 349/398 tỷ lệ 87,69%; Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn 10/398 tỉ lệ 2,51%; trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn 6/398 tỉ lệ 1,51%; Trẻ thừa cân, béo phì của trường giảm xuống còn là 30/398 tỉ lệ 7,54%. Tuy nhiên, sự phối hợp của phụ huynh với nhà trường chưa nhiều do phụ huynh vẫn thích trẻ “mủm mỉm” dễ thương nên tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì vẫn còn cao.

1.2. Mức 2

Trong năm học 2018-2019 nhà trường đã thực hiện xây dựng Kế hoạch số 134/KH-MNPTA ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc tư vấn, tuyên truyền đến phụ huynh công tác chăm sóc sức khỏe của trẻ **[H5-5-03-04]**. Đến thời điểm tháng 02/2019 nhà trường thực hiện tuyên truyền được 6 lượt với tổng số 356 phụ huynh học sinh tham gia thông qua việc họp phụ huynh học sinh từng nhóm, lớp và họp lệ Ban đại diện CMHS. Tuy nhiên, qua các buổi tuyên truyền nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi từ phụ huynh học sinh, mà chủ yếu là thông tin một chiều từ người triển khai đến PHHS do phụ huynh còn e ngại trong việc phát biểu.

Nhân viên y tế của trường đã xây dựng thực đơn phong phú theo mùa, lựa chọn các thực phẩm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Thay đổi thực đơn theo tuần, ngày, tháng nhưng vẫn đảm bảo định lượng của chất đạm, chất béo, chất bột đường. Ngoài ra nhân viên y tế còn cân đối khẩu phần ăn trên phần mềm NutriAll đảm bảo nhu cầu năng lượng hàng ngày **[H5-5-03-05]**.

1.3. Mức 3

Tổng số học sinh của trường là 398 trẻ được theo dõi chiều cao, cân nặng. Đến thời điểm tháng 02/2019 số trẻ có cân nặng và chiều cao bình thường là 349/398 tỷ lệ 87,69% **[H5-5-03-06].**

**2. Điểm mạnh:**

Trong năm học nhà trường đã thực hiện xây dựng đầy đủ các kế hoạch phối hợp với trạm y tế về công tác tổ chức kiểm tra sức khỏe cho trẻ trong nhà trường và kết hợp về công tác tuyên truyền phòng bệnh, tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, kế hoạch tuyên truyền công tác nuôi dưỡng chăm sóc trẻ, kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng. Trường có 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe theo quy định, nhân viên y tế chịu khó đầu tư nghiên cứu xây dựng thực đơn phong phú và có theo dõi khẩu phần ăn từ phần mềm dinh dưỡng. Số trẻ có tỷ lệ cân nặng, chiều cao, thừa cân đã được can thiệp bằng nhiều biện pháp phù hợp nên cải thiện đáng kể.

**3. Điểm yếu:**

Sự phối hợp của phụ huynh với nhà trường chưa nhiều trong công tác nuôi dưỡng trẻ tại gia đình, vẫn còn quan điểm thích trẻ “mủm mỉm” dễ thương dễ thương nên tỷ lệ trẻ thừa cân, béo ph́ vẫn c̣n cao. Qua các buổi tuyên truyền nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi từ phụ huynh học sinh, mà chủ yếu là thông tin một chiều từ người triển khai đến PHHS do phụ huynh còn e ngại trong việc phát biểu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo giáo viên phụ trách lớp tăng cường công tác tuyên đến phụ huynh học sinh nuôi dạy trẻ theo khoa học thông qua các phiên họp vào cuối học kỳ 1, học kỳ 2 của năm học 2018-2019 và những năm tiếp theo nhằm giảm tối đa số trẻ thừa cân và nguy cơ thừa cân, cũng như trẻ nhẹ cân tại đơn vị. Đối với những phụ huynh tham gia các buổi tuyên truyền còn ngại ý kiến, cán bộ quản lý, giáo viên phụ trách tuyên truyền phải chuẩn bị thật kỹ nội dung thảo luận, gần gũi với phụ huynh. Mạnh dạn mời phụ huynh phát biểu khi phụ huynh còn e ngại.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

***Tiêu chí 4: Kết quả giáo dục***

***Mức 1***

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

***Mức 2***

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

***Mức 3***

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

1.1. Mức 1

Trong năm học 2018-2019 nhà trường có tổng số trẻ là 398/189 nữ, Hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch số 143a/KHPH.BGH-BĐDCMHS ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc thực hiện công tác phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh, cũng như đẩy mạnh công tác chỉ đạo đến giáo viên phụ trách lớp thực hiện tốt công tác tuyên truyền đến PHHS đưa trẻ đến trường đều đặn, tạo nhiều hoạt động gây hứng thú nhằm thu hút trẻ đến trường. Đến tháng 02/2019 tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi 196/200 đạt 98%, trẻ các độ tuổi dưới 5 tuổi có 194/198 đạt 97,98%, **[H5-5-04-01]**. Tuy nhiên, số trẻ nghỉ thường xuyên còn nhiều nên số trẻ đạt tỷ lệ chuyên cần chưa đạt 99% trở lên đối với trẻ 5 tuổi và 98% trở lên đối với trẻ dưới 5 tuổi theo kế hoạch hoạt động của nhà trường.

Trong năm học, cán bộ quản lý của trường tiến hành khảo sát, kiểm tra công tác giảng dạy của giáo viên, cũng như hoạt động của trẻ nhằm nắm lại được mức độ, khả năng của trẻ. Đến thời điểm cuối năm học 2017 – 2018, nhà trường có 205/205 trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% **[H5-5-04-02].**

Trong năm học 2018-2019 nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

1.2. Mức 2

Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo a Mức 1

Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo b Mức 1

Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo c Mức 1

1.3. Mức 3

Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo b Mức 1

Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo c Mức 1

**2. Điểm mạnh**

Có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

**3. Điểm yếu**

Một số phụ huynh do bận công việc nên chưa kết hợp chặt chẽ với giáo viên trong việc đưa trẻ đến trường, còn thường xuyên vắng nên tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt chưa cao theo dự kiến kế hoạch năm học của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ học kỳ 2 năm học 2018-2019, Hiệu trưởng tăng cường phối hợp với Ban đại diện CMHS của nhà trường tuyên truyền đến phụ huynh trong việc đưa trẻ đến lớp thường xuyên hơn. Ngoài ra, giáo viên còn kết hợp chặt chẽ với phụ huynh trong việc nhắc nhở trẻ đến trường thông qua các cuộc họp, sổ liên lạc, giờ đón trẻ, trả trẻ. Bên cạnh đó, còn thường xuyên trang trí nhóm, lớp tạo môi trường thân thiện thu hút trẻ đến lớp thường xuyên hơn.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

***\* Điểm mạnh:***

Trẻ được phát triển toàn diện về các lĩnh vực thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mĩ phù hợp với độ tuổi. Đa số trẻ có nề nếp, thói quen, kỹ năng tốt trong các hoạt động học tập, vui chơi, lao động, vệ sinh. Trẻ mạnh dạn, tự tin, tích cực tham gia vào các hoạt động; có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân và chấp hành quy định về an toàn giao thông. 100% trẻ được theo dõi và đánh giá thường xuyên. 100% trẻ suy dinh dưỡng và thừa cân béo phì được quan tâm chăm sóc.

***\* Điểm yếu:***

Một số giáo viên mới về trường chưa có kinh nghiệm trong việc tạo nhiều cơ hội cho trẻ được tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh ở các hoạt động phù hợp trong ngày.Bên cạnh đó,giáo viên chưa thật sự mạnh dạn mở rộng chương trình theo hướng mở do các giáo viên ngại phải đổi mới, chưa tự tin mạnh dạn phát huy những cái mới. Sự phối hợp của phụ huynh với nhà trường chưa nhiều trong công tác nuôi dưỡng trẻ tại gia đình, vẫn còn quan điểm thích trẻ “mủm mỉm” dễ thương dễ thương nên tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì vẫn còn cao. Qua các buổi tuyên truyền nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi từ phụ huynh học sinh, mà chủ yếu là thông tin một chiều từ người triển khai đến PHHS do phụ huynh còn e ngại trong việc phát biểu.

***\* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04 tiêu chí***

***\* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00 tiêu chí***

**C. KẾT LUẬN CHUNG**

Căn cứ theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018, qua quá trình tiến hành tự đánh giá của Trường Mầm non Phú Thành A, kết quả nhà trường chưa đạt được hết các chỉ báo, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Không đạt** | | **Đạt** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ %** | **Số lượng** | **Tỷ lệ %** |
| Mức 1 | 5/25 | 20 | 10/25 | 40 |
| Mức 2 |  |  | 5/25 | 20 |
| Mức 3 |  |  | 5/25 | 20 |

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: **Chưa đạt** **Mức 1**

- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt KĐCLGD **Cấp độ ….**

- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt CQG **Mức độ ….**

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Phú Thành A, ngày 18 tháng 3 năm 2019*  **KT.HIỆU TRƯỞNG**  **P.HIỆU TRƯỞNG**  **Lưu Thị Ngọc Giếng** |

**Phần III. CÁC PHỤ LỤC**

**PHỤ LỤC 1. DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

| **TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát** | **Nơi ban hành hoặc người thực hiện** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | | | | | |
| **1** | **[H1-1-01-01]** | - Kế hoạch về việc thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục theo giai đoạn 2016-2020  - Kế hoạch về việc thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục năm học 2018-2019  - Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2018-2019 | - Số 10/KH-MNPTA ngày 16/02/2017  - Số 111/KH-MNPTA ngày 07/9/2018  - Số 87/KH.MNPTA ngày 29/8/2018 | Hiệu trưởng |  |
| **2** | **[H1-1-01-02]** | Biên bản công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bản tin nội bộ. | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng |  |
| **3** | **[H1-1-02-01]** | Quyết định thành lập hội đồng trường | Số 332/QĐ-PGDĐT ngày 25/9/2018 | Phòng HT |  |
| **4** | **[H1-1-02-02]** | Quyết định thành lập các hội đồng khác: hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng tư vấn, hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng |  |
| **5** | **[H1-1-02-03]** | Sổ nghị quyết hội đồng trường | Năm học 2018-2019 | Phòng HT |  |
| **6** | **[H1-1-02-04]** | Báo cáo tổng kết có rà soát đánh giá hoạt động hội đồng trường | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng |  |
| **7** | **[H1-1-03-01]** | - Quyết định thành lập các đoàn thể như: Công đoàn, Chi đoàn, Chi hội khuyến học | Năm học 2018-2019 | Trường MN PTA |  |
| **8** | **[H1-1-03-02]** | Kế hoạch hoạt động của tổ chức đoàn thể. | Năm học 2018-2019 | Các đoàn thể |  |
| **9** | **[H1-1-03-03]** | Báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường | Năm học 2018-2019 | Trường MN PTA |  |
| **10** | **[H1-1-03-04]** | Quyết định thành lập tổ chức Đảng |  | Đảng ủy |  |
| **11** | **[H1-1-03-05]** | Phiếu đánh giá chất lượng chi bộ hàng năm. | Năm học 2018-2019 | Đảng ủy |  |
| **12** | **[H1-1-04-01]** | Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **13** | **[H1-1-04-02]** | Quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng | Năm học 2018-2019 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **14** | **[H1-1-04-03]** | Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn tổ văn phòng | Năm học 2018-2019 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **15** | **[H1-1-05-01]** | Bảng phân công chuyên môn | Năm học 2018-2019 | P. Hiệu trưởng |  |
| **16** | **[H1-1-06-01]** | Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính | Năm học 2018-2019 | P. Hiệu trưởng, tổ tài vụ |  |
| **17** | **[H1-1-06-02]** | Quy chế chi tiêu nội bộ | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng |  |
| **18** | **[H1-1-06-03]** | Các báo cáo có nội dung đánh giá việc quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính, đất đai, cơ sở vật chất | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng |  |
| **19** | **[H1-1-07-01]** | Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ | Số 131/KH-MNPTA  Ngày 20/9/2018 | P. Hiệu trưởng |  |
| **20** | **[H1-1-07-02]** | Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bô, giáo viên, nhân viên hằng năm | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng |  |
| **21** | **[H1-1-07-03]** | Các chế độ chính sách như: lương, phụ cấp và các chế độ khác | Năm học 2018-2019 | Kế toán |  |
| **22** | **[H1-1-07-04]** | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học | Số 87/KH-MNPTA  Ngày 29/8/2018 | Hiệu trưởng |  |
| **23** | **[H1-1-08-01]** | Kế hoạch giáo dục | Số 92/KH-MNPTA  Ngày 31/8/2018 | P. Hiệu trưởng, Giáo viên |  |
| **24** | **[H1-1-08-02]** | Sổ kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ | Năm học 2018-2019 | Giáo viên |  |
| **25** | **[H1-1-08-03]** | Sổ nghị quyết chuyên môn | Năm học 2018-2019 | P. Hiệu trưởng |  |
| **26** | **[H1-1-9-01]** | Hồ sơ khiếu nại tố cáo | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng |  |
| **27** | **[H1-1-9-02]** | Hồ sơ quy chế dân chủ | Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng |  |
| **28** | **[H1-1-10-01]** | kế hoạch an ninh trật tự, kế hoạch vệ sinh an toàn thực phẩm, kế hoạch an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, kế hoạch an toàn phòng, chống cháy nổ, kế hoạch an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai, kế hoạch chống dịch bệnh, kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường | Năm học 2018-2019 | P. Hiệu trưởng |  |
| **29** | **[H1-1-10-02]** | Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh ATTP |  | YTTH |  |
| **30** | **[H1-1-10-03]** | Hộp thư góp ý, Đường dây nóng | Năm học 2018-2019 | Trường MNPTA |  |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên** | | | | | |
| **31** | **[H2-2-01-01]** | - Bằng cấp của BGH |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **32** | **[H2-2-01-02]** | - Bản thông báo đánh giá chuẩn hiệu trưởng, P.HT cuối năm của PGD. | Năm học 2014-2015 đến nay | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **33** | **[H2-2-01-03]** | - Các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ, QLGD. |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **34** | **[H2-2-01-04]** | - Các giấy chứng nhận về trình độ chính trị của BGH, công văn và danh sách tham dự học tập các nghị quyết, chỉ thị. |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **35** | **[H2-2-02-01]** | Quyết định giao biên chế trường | Số 45/QĐ-PGDĐT.TCCB ngày 01/02/2018 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **36** | **[H2-2-02-02]** | Bằng cấp GV |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **37** | **[H2-2-02-03]** | Bảng tổng hợp trình độ GV | Năm học 2018- 2019 | P.HT CM |  |
| **38** | **[H2-2-02-04]** | Phiếu đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non | Năm học 2018- 2019 | Hiệu trưởng |  |
| **39** | **[H2-2-02-05]** | Bảng tổng hợp kết quả đánh giá chuẩn NNGV | Năm học 2018- 2019 | Hiệu trưởng |  |
| **40** | **[H2-2-02-06]** | Hồ sơ thi đua khen thưởng - kỷ luật | Năm học 2018- 2019 | Hiệu trưởng |  |
| **41** | **[H2-2-03-01]** | Đánh giá viên chức cuối năm của nhân viên | Năm học 2018- 2019 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **42** | **[H2-2-03-02]** | Bằng cấp của nhân viên |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **43** | **[H2-2-03-03]** | Văn bản triệu tập nhân viên tham dự tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ | Năm học 2018- 2019 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | | | | | |
| **44** | **[H3-3-01-01]** | - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của trường |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **45** | **[H3-3-01-02]** | - Hình ảnh chụp toàn cảnh nhà trường | Năm học 2018- 2019 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **46** | **[H3-3-01-03]** | - Hồ sơ thiết kế xây dựng trường.  - Hình ảnh tổng thể của trường. |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **47** | **[H3-03-02-01]** | Hình ảnh các phòng | Năm học 2018- 2019 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **48** | **[H3-03-03-01]** | Hình ảnh nhà xe |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **48** | **[H3-03-04-01]** | Hình ảnh chụp bếp ăn |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **50** | **[H3-3-05-01]** | Sổ quản lý và sử dụng Thiết bị giáo dục | Năm học 2017-2018 đến nay | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **51** | **[H3-3-05-02]** | - Sổ theo dõi thiết bị dạy học tự làm các nhóm lớp.  - Sổ và phiếu dự giờ hàng tháng | Năm học 2018-2019 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **52** | **[H3-3-05-03]** | - Quyết định thành lập Ban kiểm kê THDH – ĐDĐC trong năm học.  - Sổ quản lý thiết bị  - Biên bản kiểm kê.  - Đề nghị sửa chữa và hóa đơn sửa chữa. | Năm học 2018-2019 | HT, PHT |  |
| **53** | **[H3-3-05-04]** | - Kế hoạch nhu cầu mua sắm bổ sung TBDH-ĐDĐC cho từng nhóm lớp trong năm học.  - Hóa đơn mua sắm bổ sung thiết bị cần thiết.  - Danh mục thiết bị dạy học cần thiết | Năm học 2018-2019 | HT, PHT |  |
| **54** | **[H3-3-06-01]** | - Hình ảnh chụp nhà vệ sinh |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **55** | **[H3-3-06-02]** | - Sơ đồ tổng thể của nhà trường.  - Hợp đồng cung cấp nước sạch.  - Biên bản kiểm tra của y tế về nước công nhận đủ điều sạch. | Năm học 2018-2019 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **56** | **[H3-3-06-03]** | - Hình ảnh, tư liệu  - Hóa đơn, hợp đồng thu gom rác | Năm học 2018-2019 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | | | | | |
| **57** | **[H4.4.01.01]** | - Quyết định thành lập BĐD.CMTE | Số 127/QĐ.UBND ngày 18/9/2018 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **58** | **[H4-4-01-02].** | - Kế hoạch hoạt động BĐD. CMTE | Số 03/KH. BĐDCMHS - MNPTA ngày 20/9/2018 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **59** | **[H4-4-01-03].** | Hình ảnh BĐD phát quà cho trẻ em nghèo |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **60** | **[H4-4-01-04].** | - Kế hoạch BĐDCMTE  phối hợp với nhà trường | Số143a/KHPH.BGH - BĐDCMHS ngày 24/9/2018 | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **61** | **[H4-4-01-05].** | - Sổ nghị quyết BDDCMTE |  | BĐD.CMTE |  |
| **62** | **[H4-4-02-01]** | - Sổ tham mưu |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **63** | **[H4-4-02-02]** | - Các kế hoạch phối hợp  - Nội dung hoạt động lễ hội, sự kiện |  | Phòng Hiệu trưởng |  |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** | | | | | |
| **64** | **[H5-5-01-01]** | Hồ sơ kiểm tra nội bộ | Năm học 2018-2019 | Phó Hiệu trưởng |  |
| **65** | **[H5-5-02-01]** | - Hình ảnh chụp thiết kế môi trường bên ngoài và bên trong lớp học. |  | PHT, GV |  |
| **66** | **[H5-5-02-02]** | Kế hoạch lễ hội | Năm học 2018-2019 | Đoàn thanh niên |  |
| **67** | **[H5-5-02-03]** | - Hình ảnh của buổi thực hành, trải nghiệm. | Năm học 2018-2019 | PHT |  |
| **68** | **[H5-5-03-01]** | Kế hoạch phối hợp với trạm y tế | Số: 114/KH-MNPTA, ngày 10 tháng 9 năm 2018 | Hiệu Trưởng |  |
| **69** | **[H5-5-03-02]** | Hồ sơ kiểm tra sức khỏe của trẻ, biểu đồ tăng trưởng của trẻ,. | Năm học 2018-2019 | YTTH - GV |  |
| **70** | **H5-5-03-03]** | Kế hoạch phục hồi trẻ suy dinh dưỡng | Số: 135/KH-MNPTA, ngày 20/9/2018 | YTTH - GV |  |
| **71** | **[H5-5-03-04].** | Kế hoạch tuyên truyền đến phụ huynh về nuôi con theo khoa học | Số: 134/KH-MNPTA, Ngày 20/9/2018 | YTTH |  |
| **72** | **[H5-5-03-05]** | Bảng thực đơn hàng tuần của trẻ. Kết quả tính dưỡng chất | Năm học 2018-2019 | YTTH |  |
| **73** | **[H5-5-03-06]** | Theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ | Năm học 2018-2019 | YTTH |  |
| **74** | **[H5-5-04-01]** | Hồ sơ quản lý trẻ em; Sổ theo dõi lớp; Danh sách theo dõi trẻ chuyên cần hàng tháng; Sổ tổng hợp của nhà trường; | Năm học 2018-2019 | P.HT - GV |  |
| **75** | **[H5-5-04-02].** | Hồ sơ phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuồi Danh sách theo dõi trẻ 5 tuổi hoàn thành | Năm học 2018-2019 | P.HT |  |